

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH TẠI
XÃ LĂNG CAN, HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
MÃ NGÀNH: 7620115

Giáo viên hướng dẫn : TS. Nguyễn Như Bằng

Sinh viên thực hiện : Hoàng Thị Thảo

Lớp : K61- KTNN

Khóa học : 2016 - 2020



Hà Nội, 2020

LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu, nay em đã hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp theo kế hoạch của trường Đại học Lâm Nghiệp Việt Nam với tên đề tài “***Phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia đình tại xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang***”.

Để có được kết quả này, em xin bày tỏ lời biết ơn sâu sắc tới TS. Nguyễn Như Bằng là người đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp. Thầy đã chỉ bảo và hướng dẫn tận tình cho em những kiến thức lý thuyết và thực tế cũng như các kỹ năng trong khi viết bài, chỉ cho em những thiếu sót của mình, để em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp với kết quả tốt nhất.

Cho phép em gửi lời cảm ơn chân thành tới các phòng ban, cán bộ UBND xã Lăng Can đã tạo mọi điều kiện, nhiệt tình giúp đỡ em, cung cấp những thông tin và số liệu cần thiết để phục vụ bài khóa luận tốt nghiệp.

Trong quá trình thực tập, cũng như trong quá trình làm bài khóa luận tốt nghiệp, khó tránh khỏi sai sót. Đồng thời do trình độ lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô để chuyên đề được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà nội, ngày 25 tháng 04 năm 2020

Sinh viên

Hoàng Thị Thảo



MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
2.1. Mục tiêu tổng quát.....	2
2.2. Mục tiêu cụ thể	2
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	3
3.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài.....	3
3.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	3
4. Nội dung nghiên cứu	3
5. Kết cấu của luận văn.....	4
Chương 1	5
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH	5
1.1. Cơ sở lý luận về phát triển chăn nuôi gia súc.....	5
1.1.1. Một số khái niệm.....	5
1.1.2. Chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả chăn nuôi gia súc.....	9
1.1.3. Vị trí, vai trò của ngành chăn nuôi gia súc đối với kinh tế hộ gia đình....	10
1.1.4. Đặc điểm chăn nuôi gia súc hộ gia đình.....	11
1.1.5. Nội dung phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia đình.....	12
1.1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi gia súc	13
1.2. Cơ sở thực tiễn về phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia.....	16
1.2.1. Kinh nghiệm phát triển chăn nuôi gia súc tại một số địa phương	16
1.2.1.1. Kinh nghiệm của xã Phước Hà, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận..	16
1.2.1.2. Kinh nghiệm phát triển chăn nuôi gia súc tại xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.	18
1.2.1.3. Kinh nghiệm phát triển chăn nuôi gia súc tại xã Phước Trung, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.....	20

1.2.2. Bài học kinh nghiệm trong phát triển chăn nuôi gia súc đối với xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.....	21
Chương 2	23
ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	23
2.1. Tổng quan về xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.....	23
2.1.1. Đặc điểm về tự nhiên.....	23
2.1.2. Tình hình kinh tế xã hội.....	26
2.1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Lăng Can.....	30
2.2. Phương pháp nghiên cứu.	31
2.2.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu, khảo sát	31
2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu	31
2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu	31
2.2.4. Phương pháp phân tích số liệu.....	32
2.2.5. Phương pháp hạch toán thu nhập và chi phí.....	32
Chương 3	33
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	33
3.1. Thực trạng phát triển chăn nuôi gia súc hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.....	33
3.1.1. Thực trạng phát triển các hộ chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can ...	34
3.1.2. Thực trạng phát triển số lượng, chủng loại gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.....	35
3.1.3. Phương thức chăn nuôi.....	37
3.1.4. Thực trạng nguồn giống	38
3.1.5. Kỹ thuật chăn nuôi.....	40
3.1.5. Tình hình tiêu thụ	42
3.1.6. Hiệu quả chăn nuôi	44
3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi gia súc tại xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.	45
3.3. Những thuận lợi, khó khăn trong phát triển chăn nuôi gia súc hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can.....	49
3.3.1. Những thuận lợi trong phát triển chăn nuôi gia súc hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can.	49

3.3.2. Những khó khăn trong phát triển chăn nuôi gia súc hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can.	50
3.4. Một số giải pháp phát triển chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.	50
3.4.1. Giải pháp phát triển số hộ.....	51
3.4.2. Giải pháp về phương thức chăn nuôi.....	51
3.4.3. Giải pháp về con giống cho người dân.....	52
3.4.4. Giải pháp về kỹ thuật, phòng chống bệnh dịch, thú y	53
3.4.5. Giải pháp về thị trường.....	53
3.4.6. Giải pháp về nguồn vốn cho người dân.....	54
KẾT LUẬN	55
TÀI LIỆU THAM KHẢO	1



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
CC	Cơ cấu
CN, TTCN	Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
DT – CP	Doanh thu – chi phí
ĐVT	Đơn vị tính
LĐ	Lao động
NN, LN	Nông nghiệp, lâm nghiệp
SL	Sản lượng
TT	Thứ tự
UBND	Ủy ban nhân dân



DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Tình hình đất đai xã Lăng Can năm 2019	24
Bảng 2.2. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất xã Lăng Can năm 2017	25
Bảng 2.3. Hiện trạng lao động Xã Lăng Can năm 2017.....	27
Bảng 2.4. Tình hình phát triển kinh tế của xã Lăng Can	29
Bảng 3.1. Tình hình các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã Lăng Can (2017 – 2019)	35
Bảng 3.2. Số lượng đàn gia súc của xã Lăng Can	36
Bảng 3.3. Tình hình sử dụng nguồn giống (lợn) của các hộ qua điều tra	39
Bảng 3.4. Số lượng đàn gia súc được tiêm phòng qua các năm.....	41
Bảng 3.5. Tình hình tiêu thụ sản phẩm gia súc của các hộ.....	43
Bảng 3.6. Quyết định giá bán gia súc qua điều tra tại xã Lăng Can	43
Bảng 3.7. Hiệu quả kinh tế từ chăn nuôi gia súc của các hộ gia đình tại xã Lăng Can.....	44



MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển kinh tế luôn là mục tiêu quan trọng hàng đầu của mỗi quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Là một nước đang phát triển với hơn 70% dân số sống ở nông thôn nên vai trò của nông nghiệp trong quá trình phát triển đất nước là rất quan trọng. Ngành chăn nuôi là một bộ phận quan trọng cấu thành của nông nghiệp cũng như là một nhân tố quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Ngành chăn nuôi Việt Nam có lịch sử từ lâu đời và đóng góp lớn vào cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo cũng như nâng cao chất lượng đời sống của người dân.

Trong thời gian qua ngành chăn nuôi Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc và đạt được nhiều thành tựu đóng vai trò quan trọng đặc biệt đối với các hộ gia đình, đem lại một nguồn thu nhập đáng kể và trở thành nguồn thu nhập chính cho nhiều hộ gia đình. Việc phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia đình sẽ giúp người dân tăng thu nhập, khắc phục sự phụ thuộc vào việc khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, góp phần xóa đói, giảm nghèo, đồng thời đóng góp vào thu nhập cho cả nền kinh tế quốc dân.

Trong những năm gần đây dịch bệnh gia súc tại Việt Nam xảy ra ngày càng nhiều với mức độ nghiêm trọng như: bệnh tụ huyết trùng, dịch lở mồm long móng, bệnh tiêu chảy, tình trạng bão lũ, giá cả đầu vào thay đổi,... đã gây ra những thiệt hại lớn mà người nông dân là đối tượng trực tiếp phải đối mặt với những khó khăn và rủi ro.

Xã Lăng Can nằm ở vùng trung du miền núi phía Bắc, là xã trung tâm của huyện Lâm Bình thuộc vùng sâu, vùng xa của tỉnh Tuyên Quang, cách trung tâm thành phố Tuyên Quang khoảng 150km. Trong những năm gần đây, kinh tế của các hộ nông dân trên địa bàn xã Lăng Can có nhiều khởi sắc, nhiều hộ nông dân đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, đặc biệt là ngành chăn nuôi gia súc và giảm dần tỉ trọng ngành trồng trọt.

Tuy nhiên, chăn nuôi gia súc trong nông hộ và gia trại trên địa bàn xã Lăng Can vẫn tồn tại nhiều hạn chế cần được giải quyết như: Hoạt động chăn nuôi của các gia đình vẫn tự phát, việc áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế. Chất lượng, hiệu quả chăn nuôi chưa cao, chưa quan tâm đến phát triển chăn nuôi bền vững, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, công tác giống cũng chưa được quan tâm đúng mức, chủ yếu vẫn là do người chăn nuôi tự chọn lọc và nhân giống theo kinh nghiệm, với việc chăn thả tự do nên gia súc giao phối cận huyết, dẫn đến chất lượng con giống ngày càng bị suy giảm. Công tác kiểm soát, không chế dịch bệnh còn gặp rất nhiều khó khăn do tình trạng chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán, thả rông gia súc, điều kiện vệ sinh chăn nuôi kém, người chăn nuôi chưa tự giác tiêm phòng cho đàn gia súc. Hệ thống mạng lưới nhân viên thú y cơ sở còn yếu chưa được thỏa đáng nên chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Chính vì vậy, nghiên cứu phát triển phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia đình là hết sức cần thiết đối với địa phương.

Xuất phát từ thực tế trên, nhằm khắc phục những khó khăn để phát triển ngành chăn nuôi, góp phần phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và đời sống cho các hộ gia đình thuộc Xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang em lựa chọn thực hiện khóa luận ***“Phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia đình tại xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu thực trạng chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang nhằm đề xuất một số giải pháp phát triển chăn nuôi gia súc trên địa bàn nghiên cứu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển chăn nuôi gia súc.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng phát triển chăn nuôi gia súc tại xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Phân tích, đánh giá thực trạng chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đề xuất một số giải pháp phát triển chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Tình hình chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Phạm vi về nội dung: Đề tài nghiên cứu hoạt động phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang như: Phát triển số lượng hộ chăn nuôi, số lượng và chủng loại gia súc, chất lượng con giống, phương thức chăn nuôi...

- Phạm vi không gian: Trong phạm vi xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Phạm vi thời gian: Số liệu thứ cấp được thu thập trong 3 năm (2017-2019). Số liệu sơ cấp được thu thập trong năm 2020.

4. Nội dung nghiên cứu

- Cơ sở lý luận về phát triển chăn nuôi gia súc.
- Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội trên địa bàn nghiên cứu
- Thực trạng phát triển chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đánh giá chung về những thuận lợi, khó khăn trong phát triển chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Một số giải pháp phát triển chăn nuôi gia súc trên địa quy mô hộ gia đình tại xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Khóa luận được kết cấu thành 3 chương, gồm:

Chương 1 . Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia đình

Chương 2. Đặc điểm địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Chương 3. Kết quả nghiên cứu



Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH

1.1. Cơ sở lý luận về phát triển chăn nuôi gia súc

1.1.1. Một số khái niệm

- Gia súc:

Theo Wikipedia: “Gia súc là tên dùng để chỉ một hoặc nhiều loài động vật có vú được thuần hóa và nuôi vì mục đích để sản xuất hàng hóa như lấy thực phẩm, chất xơ hoặc lao động. Việc chăn nuôi gia súc là một bộ phận quan trọng trong nền nông nghiệp”.

Điều 2 Luật chăn nuôi 2018: “*Gia súc* là các loài động vật có vú, có 04 chân được con người thuần hóa và chăn nuôi”.

Như vậy, gia súc chính là những loài động vật vẫn tồn tại ngay trong đời sống hàng ngày của chúng ta như: trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu... Trong đó, có những loài sử dụng làm thịt chủ yếu, có loài lấy sữa, có loài lấy lông nhưng tựu chung lại chúng đều phục vụ các giá trị liên quan đến nông nghiệp. Một điểm chung nữa của gia súc đó là chúng đều là động vật có vú và có 4 chân trong khi gia cầm chỉ có 2 chân. Điều này để phân biệt giữa gia súc và gia cầm trong đời sống hàng ngày.

- Chăn nuôi:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Chăn nuôi 2018: “*Chăn nuôi* là ngành kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi”.

Chăn nuôi là một ngành quan trọng của nông nghiệp hiện đại, nuôi lớn vật nuôi để sản xuất những sản phẩm như: thực phẩm, lông, và sức lao động. Sản phẩm từ chăn nuôi nhằm cung cấp lợi nhuận và phục vụ cho đời sống sinh hoạt của con người. Chăn nuôi xuất hiện lâu đời trong nhiều nền văn hóa khác nhau kể từ khi loài người chuyển đổi từ lối sống săn bắn hái lượm sang định canh định cư [5].

Như vậy, chăn nuôi là một trong hai ngành sản xuất chủ yếu của nông nghiệp, với đối tượng sản xuất là các loại động vật nuôi nhằm cung cấp các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của con người. Ngành chăn nuôi cung cấp các sản phẩm có giá trị kinh tế cao như thịt, trứng, sữa, mật ong,...nhằm đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu hàng ngày của người dân. Một xu hướng tiêu dùng có tính quy luật chung là khi xã hội phát triển thì nhu cầu tiêu dùng về các sản phẩm chăn nuôi ngày càng tăng lên một cách tuyệt đối so với các sản phẩm nông nghiệp nói chung. Chăn nuôi là ngành cung cấp nhiều sản phẩm làm nguyên liệu quý giá cho các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và dược liệu. Chăn nuôi là ngành ngày càng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp các sản phẩm đặc sản tươi sống và sản phẩm chế biến có giá trị cho xuất khẩu.

Trong nông nghiệp, chăn nuôi và trồng trọt có mối quan hệ mật thiết với nhau, sự gắn bó của hai ngành này là do sự chế ước bởi quy trình công nghệ, những vấn đề kinh tế kỹ thuật của liên ngành này. Chăn nuôi cung cấp cho trồng trọt nguồn phân bón hữu cơ quan trọng không chỉ có tác động tăng năng suất cây trồng mà còn có tác dụng cải tạo đất, tái tạo hệ vi sinh vật và bảo vệ cân bằng sinh thái. Ở nhiều vùng, trong sản xuất ngành trồng trọt vẫn cần sử dụng sức kéo của động vật cho các hoạt động canh tác và vận chuyển. Mặc dù vai trò của chăn nuôi đối với trồng trọt có xu hướng giảm xuống, song vai trò của chăn nuôi nói chung ngày càng tăng lên.

Xã hội càng phát triển, mức tiêu dùng của người dân về các sản phẩm chăn nuôi ngày càng tăng lên cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu sản phẩm. Do vậy, mức đầu tư của xã hội cho ngành chăn nuôi ngày càng có xu hướng tăng nhanh ở hầu hết mọi nền nông nghiệp. Sự chuyển đổi có tính quy luật trong đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp là chuyển dần từ sản xuất trồng trọt sang phát triển chăn nuôi, trong ngành trồng trọt, các hoạt động trồng ngũ cốc cũng chuyển hướng sang phát triển các dạng hạt và cây trồng làm thức ăn chăn nuôi.

- Hộ gia đình:

Theo Wikipedia: Hộ gia đình hay còn gọi đơn giản là hộ là một đơn vị xã hội bao gồm một hay một nhóm người ở chung và ăn chung (nhân khẩu). Đối

với những hộ có từ 2 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung hoặc thu nhập chung. Hộ gia đình không đồng nhất với khái niệm gia đình, những người trong hộ gia đình có thể có hoặc không có quan hệ huyết thống, nuôi dưỡng hoặc hôn nhân hoặc cả hai.

Hộ gia đình được phân loại như sau:

- Hộ một người (01 nhân khẩu) Là hộ chỉ có một người đang thực tế thường trú tại địa bàn.
- Hộ hạt nhân: Là loại hộ chỉ bao gồm một gia đình hạt nhân đơn (gia đình chỉ có 01 thế hệ) và được phân tổ thành: Gia đình có một cặp vợ chồng có con đẻ hoặc không có con đẻ hay bố đẻ cùng với con đẻ, mẹ đẻ cùng với con đẻ.
- Hộ mở rộng: Là hộ bao gồm gia đình hạt nhân đơn và những người có quan hệ gia đình với gia đình hạt nhân. Ví dụ: một người cha đẻ cùng với con đẻ và những người thân khác, hoặc một cặp vợ chồng với người thân khác;
- Hộ hỗn hợp: Là trường hợp đặc biệt của loại Hộ mở rộng.

Hộ gia đình là chủ thể tham gia giao kết hợp đồng một cách thường xuyên, nhất là đối với các hợp đồng có đối tượng là quyền sử dụng đất “Hộ gia đình mà các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định là chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự thuộc các lĩnh vực này” [3].

- *Phát triển:*

Theo Wikipedia: *Phát triển* là một phạm trù của triết học, là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của một sự vật. Quá trình vận động đó diễn ra vừa dần dần, vừa nhảy vọt để đưa tới sự ra đời của cái mới thay thế cái cũ. Sự phát triển là kết quả của quá trình thay đổi dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, quá trình diễn ra theo đường xoắn ốc và hết mỗi chu kỳ sự vật lặp lại dường như sự vật ban đầu nhưng ở mức (cấp độ) cao hơn.

Phát triển được hiểu là một phạm trù triết học dùng để chỉ quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hiệu hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật. Quá trình đó diễn ra vừa dần dần, vừa nhảy vọt, đưa tới sự gia đời của cái mới thay thế cái cũ. Quan điểm này cũng cho rằng, sự phát triển là kết quả của quá trình thay đổi dần dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, là quá trình diễn ra theo đường xoáy ốc và hết mỗi chu kỳ sự vật lặp lại dường như sự vật ban đầu nhưng ở cấp độ cao hơn.

Phát triển là một quá trình chuyển biến của xã hội, là chuỗi những chuyển biến có mối quan hệ hữu cơ qua lại. Sự tồn tại và phát triển của xã hội hôm nay là sự kế thừa có chọn lọc những di sản của quá khứ.

Có nhiều định nghĩa khác nhau về phát triển, mỗi định nghĩa phản ánh một cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau.

Ngày nay thuật ngữ phát triển nông nghiệp được dùng nhiều trong đời sống kinh tế và xã hội. Phát triển nông nghiệp thể hiện quá trình thay đổi của nền nông nghiệp ở giai đoạn này so với giai đoạn trước đó và thường đạt ở mức độ cao hơn cả về lượng và về chất. Theo Đỗ Kim Chung và cộng sự (2009), nền nông nghiệp phát triển là một nền sản xuất vật chất không những có nhiều hơn về đầu ra (sản phẩm và dịch vụ) đa dạng hơn về chủng loại và phù hợp hơn về cơ cấu. Thích ứng hơn về tổ chức và thể chế, thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của xã hội về nông nghiệp. Cần phân biệt giữa tăng trưởng nông nghiệp và phát triển nông nghiệp. Tăng trưởng nông nghiệp chỉ thể hiện rằng ở thời điểm nào đó, nền nông nghiệp có nhiều đầu ra so với giai đoạn trước, chủ yếu phản ánh sự thay đổi về kinh tế và tập trung nhiều về mặt lượng. Tăng trưởng nông nghiệp tăng lên về sản lượng và sản phẩm nông nghiệp, số lượng diện tích, số đầu con vật nuôi. Trái lại, phát triển nông nghiệp thể hiện cả về lượng và về chất.

- *Phát triển chăn nuôi gia súc:*

Phát triển chăn nuôi là quản lý tài nguyên chăn nuôi nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người đồng thời cải tiến chất lượng môi trường và gìn giữ tài nguyên thiên nhiên.

Phát triển chăn nuôi gia súc bao gồm sự tăng về số lượng, năng suất và chất lượng, đồng thời là sự biến đổi do cơ cấu đàn, cơ cấu giá trị sản phẩm theo hướng hiệu quả và phát triển bền vững. Vì vậy, phát triển chăn nuôi phải thực hiện đồng thời nhiều nội dung khác nhau, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu là:

- + Tăng quy mô tổng đàn trong vùng (thể hiện tốc độ tăng trưởng trong chăn nuôi) bằng cách nhân giống, mua thêm con giống và mở rộng diện tích chăn thả, áp dụng các hình thức tổ chức chăn nuôi phù hợp với điều kiện của từng hộ, từng vùng.

- + Tăng năng suất, chất lượng bằng cách áp dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu bệnh tật tốt, thích nghi với điều kiện chăn thả từng vùng hay khu vực.

- + Tổ chức các phương thức chăn nuôi phù hợp, phát huy có hiệu quả tiềm năng kinh tế về thế mạnh của từng vùng. Áp dụng tốt quy trình kỹ thuật chăn nuôi, công tác chăm sóc nuôi dưỡng, vệ sinh phòng bệnh, tạo ra sản phẩm sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ nhu cầu con người.

1.1.2. Chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả chăn nuôi gia súc

*** Chỉ tiêu phản ánh kết quả:**

- Giá trị sản xuất (GO): Là toàn bộ của cải vật chất và dịch vụ được tạo ra trong một chu kỳ sản xuất nhất định (thường là một năm). Nó được tính bằng tổng của tích giữa sản lượng sản phẩm chính với giá của sản phẩm chính tương ứng và sản lượng sản phẩm phụ với giá của sản phẩm phụ tương ứng.

$$GO = \sum P_i \cdot Q_i$$

Trong đó: GO: Là tổng giá trị sản xuất

Q_i: Khối lượng sản phẩm thứ i

P_i: Giá sản phẩm thứ i

- Chi phí trung gian (IC): Là toàn bộ chi phí vật chất thường xuyên và dịch vụ sử dụng trong sản xuất như: giống, các loại thức ăn, thuốc thú y,...

$$IC = \sum C_i \cdot P_i$$

Trong đó: Ci chi phí thứ i tính bằng tiền của yếu tố đầu vào i đã sử dụng và đem lại được giá trị sản xuất (GO) nào đó.

- Giá trị gia tăng (VA): Là phần giá trị tăng thêm của giá trị sản xuất chăn nuôi trong một chu kỳ sản xuất hay khi đã sản xuất ra một khối lượng sản phẩm nhất định.

$$VA = GO - IC$$

- Thu nhập hỗn hợp (MI): Là phần thu nhập của người chăn nuôi bao gồm: tiền công lao động và lợi nhuận thu được,... trong một chu kỳ sản xuất ra sản phẩm nhất định.

$$MI = VA - (A + T + Lt)$$

Trong đó: A: Khấu hao tài sản cố định

T: Thuế phải nộp cho Nhà nước

Lt: Lao động thuê ngoài

** Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế*

Giá trị sản xuất/chi phí trung gian = GO/IC

Giá trị gia tăng/chi phí trung gian = VA/IC

Thu nhập hỗn hợp/chi phí trung gian = MI/IC

Giá trị sản xuất/công lao động gia đình = $VA/\text{công lao động gia đình}$

Thu nhập hỗn hợp/công lao động gia đình = $MI/\text{công lao động gia đình}$.

1.1.3. Vị trí, vai trò của ngành chăn nuôi gia súc đối với kinh tế hộ gia đình

(1) Vị trí của ngành chăn nuôi gia súc đối với kinh tế hộ gia đình:

Kinh tế hộ gia đình là một lực lượng sản xuất quan trọng ở nông thôn Việt Nam. Trong kinh tế hộ gia đình, đặc biệt là kinh tế của hộ nông dân thì gồm có các ngành trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Ngành chăn nuôi là một trong những ngành sản xuất chính của nông nghiệp nông thôn, nó có lịch sử từ lâu đời và có vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế hộ gia đình:

- Chăn nuôi là nguồn cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cao cho nhu cầu của con người, bao gồm: thịt, sữa,... Nó là ngành chính của nông nghiệp, cho nên ngành chăn nuôi có quan hệ mật thiết với ngành trồng trọt.

- Ngành chăn nuôi cung cấp phân bón và sức kéo đại gia súc cho ngành trồng trọt, ngược lại ngành trồng trọt cung cấp thức ăn cho ngành chăn nuôi.

- Chăn nuôi là ngành cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến thực phẩm. Do đó, phát triển chăn nuôi không những đảm bảo cân đối trong nội bộ ngành nông nghiệp mà còn thực hiện các quá trình sản xuất.

Ngoài ra, chăn nuôi còn là ngành cung cấp những sản phẩm vô hình nhưng mang tính nhân văn như chơi trâu hay những động vật góp phần quan trọng trong việc bảo vệ mùa màng như chó, mèo,...

Ngành chăn nuôi nói chung, chăn nuôi gia súc nói riêng có vị trí hết sức quan trọng trong sản xuất toàn diện và bền vững trên cơ sở sử dụng hợp lý, đầy đủ ruộng đất, sức lao động và các tư liệu sản xuất khác.

(2)Vai trò của ngành chăn nuôi gia súc đối với kinh tế hộ gia đình:

Ngành chăn nuôi có vai trò hết sức to lớn đối với toàn bộ nền kinh tế nói chung và với kinh tế gia đình nói riêng. Chăn nuôi hộ tạo ra sản lượng thực phẩm lớn cho xã hội, góp phần tạo công ăn việc làm, giúp xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững ở nông thôn. Chăn nuôi hộ gia đình là một đầu mối tiêu thụ, chế biến những phụ phẩm của ngành Nông nghiệp, các ngành nghề phụ ở nông thôn như xay xát, nấu rượu, làm bún, bánh... để tạo ra những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao như thịt, sữa... Ngoài ra, chăn nuôi hộ tận dụng được nguồn đất đai bạc màu, công lao động nhàn rỗi và vốn tự có của hộ nông dân.

Chăn nuôi góp phần khai thác có hiệu quả các nguồn lực như vốn, đất đai, lao động của từng vùng và các địa phương, đặc biệt là sử dụng tối đa nguồn lao động nhàn rỗi ở khu vực nông thôn, khắc phục được tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp.

1.1.4. Đặc điểm chăn nuôi gia súc hộ gia đình

- Chăn nuôi nhỏ lẻ, manh mún, khó mở rộng quy mô do hạn chế về vốn, kỹ thuật chăn nuôi, chuồng trại.

- Phương thức chăn nuôi: thường theo cách truyền thống nên ít chú ý đến công tác phòng chống dịch bệnh; chuồng trại đơn giản, chăn nuôi tận dụng được thức ăn dư thừa của gia đình là chủ yếu.

- Ít chế biến, thường tiêu thụ tự phát, chủ mô hình chăn nuôi chủ yếu là theo kinh nghiệm của bản thân, giá cả gia súc bấp bênh.

1.1.5. Nội dung phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia đình

- *Phát triển số hộ chăn nuôi:*

Là sự phát triển số lượng hộ chăn nuôi qua các năm. Các hộ chăn nuôi có xu hướng tăng lên và tiếp tục phát triển mạnh phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ. Các hoạt động phát triển chăn nuôi tập trung vào việc khuyến khích phát triển, chuyển giao kịp thời các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả và tăng sức cạnh tranh cho các sản phẩm chăn nuôi. Phần đầu chuyển giao hầu hết chăn nuôi phân tán sang chăn nuôi tập trung.

- *Phát triển số lượng, chủng loại gia súc. Bao gồm:*

+ Phát triển chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò):

Những năm trở lại đây, nhu cầu tiêu dùng thịt đỏ gia tăng, đồng thời, do chu kỳ sinh sản kéo dài nên tốc độ tái đàn chậm hơn số lượng trâu, bò bị giết thịt nên số lượng trâu không ngừng giảm. Tổng đàn trâu, bò của cả nước giảm, tuy nhiên sản lượng thịt vẫn tăng đều trong 3 năm, mức tăng trưởng trung bình đạt 3,13%/năm.

Trước đây, trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi trâu, bò chủ yếu để cung cấp sức kéo. Những năm gần đây, nguồn sức kéo động vật dần được thay thế bằng máy móc, nhưng chăn nuôi trâu, bò vẫn không bị loại bỏ, mà tiếp tục mở rộng để cung cấp thịt, sữa.

Dự kiến trong những năm tới tiếp tục tăng đàn. Chú trọng xây dựng đồng cỏ trồng cỏ tươi và bón phân hữu cơ để tăng năng suất, chất lượng, chủ động thức ăn xanh vào mùa khô. Tập trung cho nâng cao chất lượng nguồn giống và ứng dụng công nghệ nuôi để tăng trọng nhanh, nâng cao hiệu quả chăn nuôi và rút ngắn vòng quay của đồng vốn.

+ Phát triển chăn nuôi lợn:

Phát triển đàn lợn ngày càng tăng, tăng trưởng về đầu con thường xuyên sẽ nâng cao trình độ kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh để có thể đứng vững trên thị trường nội địa trước sức ép của lộ trình giảm thuế nhập khẩu và các sản phẩm chăn nuôi.

+ Phát triển các loại gia súc khác như dê, cừu:

Chăn nuôi một số động vật nhai lại khác như dê, cừu phát triển mạnh. Các vật nuôi này có khả năng sử dụng và chuyển hóa các loại thức ăn thô xanh, phụ phẩm công - nông nghiệp thành sản phẩm dinh dưỡng chất lượng cao (thịt đỏ, sữa) làm thực phẩm cho con người.

- *Phương thức chăn nuôi*: Bao gồm nuôi nhốt và chăn thả, các nguồn thức ăn của gia súc đa số các hộ gia đình tận dụng các nguồn thức ăn dư thừa của gia đình, có sẵn hoặc trộn thức ăn hỗn hợp.

- *Phát triển sản xuất con giống*: Chất lượng con giống có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả chăn nuôi. Nguồn giống bao gồm tự sản xuất, mua từ hộ khác hoặc mua từ trại giống. Thực tế cho thấy hiện nay chất lượng giống cung cấp cho các hộ gia đình phần lớn không được đáp ứng được yêu cầu.

- *Kỹ thuật chăn nuôi*: Với chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia đình kỹ thuật chủ yếu là dựa trên kinh nghiệm, đặc biệt trong việc phòng và chữa bệnh. Trong những năm gần đây do bệnh dịch nhiều, những phương pháp theo kinh nghiệm thường không đạt hiệu quả cao trong phòng ngừa và chữa trị nên người dân bắt đầu quan tâm đến kỹ thuật chăn nuôi thú y.

- Hiệu quả chăn nuôi gia súc tính toán cho một năm, một lứa hoặc một chu kỳ sản xuất nhất định và được tính theo công thức sau:

Lợi nhuận = Doanh thu – chi phí.

1.1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi gia súc

(1) Điều kiện tự nhiên của địa phương:

Ngành chăn nuôi gia súc ở địa phương chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như thời tiết, khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm), đất đai, nguồn nước và điều kiện sống cho chăn nuôi có tác động trực tiếp và gián tiếp tới vật nuôi, đặc biệt

chăn nuôi quy mô nhỏ lẻ với chuồng trại đơn giản. Bên cạnh đó, yếu tố đất đai là điều kiện cần để phát triển chăn nuôi quy mô lớn, tập trung và áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất trong chăn nuôi.

(2) Thức ăn cho chăn nuôi:

Chăn nuôi ở vùng đồng bằng, cỏ được tận dụng triệt để bằng biện pháp vừa chăn thả vừa thu cắt cho ăn tại chuồng. Do có ưu thế về khí hậu và một số loại đất như (đất thịt, đất đen,...) mà cỏ trồng có năng suất rất cao nhất là đối với cỏ voi và cỏ panicum. Những hộ chăn nuôi trâu, bò thì trồng cỏ voi thâm canh cho năng suất cao. Việc kết hợp chăn nuôi gia súc và trồng cỏ góp phần tận dụng nguồn phân bón giúp giảm chi phí trong sản xuất thức ăn thô xanh. Cỏ lại ít bị sâu bệnh, rất dễ chăm sóc. Không đòi hỏi kỹ thuật cao thích hợp cho các hộ chăn nuôi trong điều kiện vốn ít và kỹ thuật canh tác thấp.

Thức ăn là cơ sở quan trọng để phát triển chăn nuôi. Năng suất chăn nuôi phụ thuộc vào hai yếu tố chủ yếu: tính năng di truyền và chế độ nuôi dưỡng hợp lý. Thức ăn và giá trị dinh dưỡng trong khẩu phần ăn ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, hiệu quả chăn nuôi và sự cảm nhiễm dịch bệnh. Ứng với mỗi giai đoạn, yêu cầu công tác chăm sóc, nuôi dưỡng khác nhau. Các giai đoạn chăm sóc nuôi dưỡng có tính kế thừa, để chăn nuôi giai đoạn sau hiệu quả thì chăn nuôi ở các giai đoạn trước cần thực hiện tốt.

(3) Chất lượng con giống:

Trong chăn nuôi, vai trò giống giữ vị trí quan trọng trong việc cải tiến di truyền, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi. Do đó, giống phải chọn lọc theo mục đích sản xuất, phù hợp với điều kiện chăn nuôi của vùng. Để nâng cao chất lượng giống trong chăn nuôi, một mặt cần cải tạo đàn giống hiện có theo hướng nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, mặt khác phải tiến hành lai tạo để tạo ra giống mới phù hợp có chất lượng tốt hơn và năng suất vượt trội, sử dụng giống có nguồn gen cao sản của thế giới để lai tạo với các giống nội. Vì vậy, trong xây dựng định hướng phát triển chăn nuôi cần phải xây dựng một hệ thống quản lý giống vật nuôi để bảo vệ nguồn gen, chọn lọc, lai tạo và

nhân giống, cần có kế hoạch cụ thể cho chương trình nâng cao chất lượng giống đạt hiệu quả.

(4) Yếu tố vốn đầu tư:

Nguồn vốn là yếu tố đầu vào trong mọi hoạt động của chăn nuôi. Vốn được xem các yếu tố đầu vào như giống, thức ăn, thuốc thú y, hệ thống chuồng trại,.. Nguồn vốn có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình chăn nuôi, khi có vốn người chăn nuôi có thể mở rộng quy mô và tăng mức đầu tư, tăng hiệu quả kinh tế và có khả năng tận dụng tốt hơn các cơ hội từ bên ngoài.

Vốn là yếu tố đặc biệt quan trọng để đảm bảo các yếu tố đầu vào. Trong chăn nuôi người dân cần lượng vốn khá lớn để đầu tư mua con giống, xây dựng chuồng trại và mua các loại thức ăn cho chăn nuôi. Để phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô lớn thì nhu cầu về vốn đang là một vấn đề khó đối với các hộ nông dân, đặc biệt là hộ nghèo. Việc đảm bảo được vốn đầu tư sản xuất sẽ quyết định đến phát triển bền vững chăn nuôi.

(5) Thị trường tiêu thụ sản phẩm thịt gia súc:

Thị trường có ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển chăn nuôi. Thị trường là yếu tố hướng dẫn và điều tiết các hoạt động sản xuất các sản phẩm chăn nuôi. Người chăn nuôi cần dựa vào và phân tích tín hiệu thị trường (giá đầu vào và giá đầu ra, lợi nhuận,...), quan hệ cung, cầu để đưa ra các quyết định của mình. Việc đưa ra quyết định một cách đúng đắn sẽ góp phần giúp cho sản xuất chăn nuôi được ổn định, bền vững. Các nhân tố thị trường bao gồm: thị trường đầu ra (sản phẩm, số lượng và chất lượng, giá bán và khả năng tiêu thụ sản phẩm), thị trường đầu vào (số lượng, giá đầu vào, khả năng cung cấp) và giá cả.

(6) Lao động:

Nguồn lực lao động trong chăn nuôi gia súc đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp. Với lực lượng lao động trong ngành chăn nuôi đóng vai trò quyết định kinh tế, họ tạo ra của cải vật chất, cung cấp nguồn thực phẩm dinh dưỡng cho con người như thịt, sữa,.. Đồng thời tạo sức mạnh để thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp nước ta.

(7) Kỹ thuật chăn nuôi:

Một trong các yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả chăn nuôi đó là việc ứng dụng các kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến. Đây là yếu tố tác động trực tiếp đến sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi.

Việc tham gia các lớp tập huấn về chăn nuôi, trong đó có tập huấn về ứng dụng kỹ thuật từ khâu chọn giống. Kỹ thuật chăm sóc, chế độ ăn uống,... Nhằm đạt năng suất cao là yếu tố quan trọng trong phát triển chăn nuôi. Việc ứng dụng đồng bộ, hiệu quả các yếu tố kỹ thuật này một cách tối ưu sẽ làm tăng năng suất, giảm giá và đem lại lợi nhuận cao hơn trong chăn nuôi.

(8) Tập quán, thói quen chăn nuôi của các gia đình ở địa phương:

Chăn nuôi trâu, bò chủ yếu của các hộ gia đình là thả rông ngoài ruộng hoặc trên rừng, vì vậy, việc chăm sóc, phòng, chống dịch bệnh bị hạn chế, nhất là vào mùa đông do rét đậm, rét hại kéo dài làm trâu bị chết. Những năm gần đây, được sự tuyên truyền từ cán bộ và hướng dẫn kỹ thuật của cán bộ chuyên môn. Nhiều hộ gia đình đã quyết định đầu tư làm chuồng trại, trồng cỏ voi để nuôi trâu, bò nhốt chuồng, kết hợp chăn thả có sự giám sát của các thành viên trong gia đình để tránh phá hoại mùa màng làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của địa phương.

1.2. Cơ sở thực tiễn về phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia

1.2.1. Kinh nghiệm phát triển chăn nuôi gia súc tại một số địa phương

1.2.1.1. Kinh nghiệm của xã Phước Hà, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận

Là xã miền núi đặc biệt khó khăn của huyện Thuận Nam. Xã Phước Hà có 5 thôn, với 838 hộ/3.700 nhân khẩu, trong đó đồng bào Raglai chiếm 95% dân số. Địa phương trong thời gian qua đã thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, nhất là việc đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc hộ gia đình đang được xã tập trung đẩy mạnh.

Để nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, bên cạnh thực hiện hiệu quả chuyển dịch cơ cấu cây trồng, chăn nuôi gia súc được xem là mô hình mang lại hiệu quả giúp người dân nâng cao thu nhập. Nhằm giúp bà con tiếp cận với

hướng chăn nuôi mới, ngoài tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xã cũng tạo mọi điều kiện thuận lợi để nông dân tiếp cận với nguồn vốn vay, nguồn hỗ trợ của cấp trên; chủ động liên kết với ngành chức năng mở lớp tập huấn kiến thức về phòng, chữa bệnh cho đàn vật nuôi...

Ưu tiên phát triển chăn nuôi cộng với những chính sách hỗ trợ đặc thù dành cho đồng bào dân tộc miền núi thông qua các chương trình, dự án của Nhà nước không chỉ làm thay đổi nhận thức, tập quán chăn nuôi của bà con lâu nay mà còn tác động tích cực tới quá trình tăng tỷ trọng đàn, tạo ra giá trị sản phẩm hàng hóa. Đơn cử như hộ ông Pa Tàu A Xá Chú, ở thôn Giá, đầu năm 2014 được hỗ trợ 5 triệu đồng, Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện tạo điều kiện cho vay thêm 8 triệu đồng đầu tư mua 2 con bò về nuôi. Nhờ áp dụng các biện pháp chăn nuôi hiệu quả nên đàn bò phát triển nhanh, từ số tiền bán bò, gia đình đã tích lũy được vốn và đầu tư cải tạo lại đất trồng thêm 2 sào lúa và 5 sào bắp lai, nhờ vậy mà thoát được nghèo, cuộc sống ổn định hơn. Ngoài ra, trên địa bàn xã cũng có nhiều mô hình chăn nuôi phù hợp với điều kiện ở địa phương được nông dân nhân rộng như: Mô hình nuôi bò vỗ béo, nuôi dê, cừu sinh sản, nuôi heo đen bản địa. Đặc biệt, nhiều hộ nuôi đã chuyển từ chăn thả sang nuôi tập trung gắn với trồng cỏ, hạn chế đáng kể dịch bệnh, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Đây là nét chuyển biến mới trong chăn nuôi ở xã Phước Hà trong vài năm trở lại đây.

Bằng các giải pháp và định hướng phù hợp với đặc điểm điều kiện địa phương đã góp phần đưa đàn gia súc được duy trì và phát triển ổn định. Qua thống kê, toàn Xã hiện có gần 4.000 con, trong đó đàn trâu, bò chiếm trên 2.000 con, đàn dê, cừu gần 1.800 con... Mục tiêu của xã phấn đấu đến năm 2020 đưa chăn nuôi đóng góp trên 40% giá trị sản xuất nông nghiệp; duy trì tốc độ tăng trưởng đàn gia súc bình quân khoảng 3,5%. Theo đó, với những kế hoạch phát triển chăn nuôi cụ thể, chủ động thay đổi phương thức mới. Đồng thời tranh thủ nguồn lực hỗ trợ, quy hoạch vùng nuôi tập trung theo thể mạnh, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững trong thời gian tới.

Bên cạnh các mặt đã đạt được thì ở các vùng chăn nuôi tập trung còn bộc lộ những mặt hạn chế như: đầu tư cơ sở hạ tầng tại các vùng này khá hiện đại, nhưng một số chủ trang trại lại sản xuất quy mô quá nhỏ; phát triển không bền vững và không áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Trong những năm qua, các vùng chăn nuôi tập trung này chưa phát huy được hiệu quả cao, nguyên nhân do việc lựa chọn hộ vào sản xuất không bảo đảm theo đúng tiêu chí của Dự án đề ra. Các hộ do địa phương lựa chọn chủ yếu xuất phát từ nguyện vọng mà chưa tính khả năng tài chính, trình độ quản lý sản xuất, tiếp cận thị trường,... của họ. Do đó, khi bắt tay vào sản xuất nhiều hộ không đủ vốn để đầu tư, không phát triển được chăn nuôi theo quy mô lớn, hiện đại, chủ yếu vẫn là chăn nuôi nhỏ lẻ, tận dụng. Ngoài ra, khi chọn hộ còn nể nang, không căn cứ vào tiêu chí, nên những hộ có khả năng tài chính, khoa học kỹ thuật lại không được xét duyệt ra đầu tư. Bên cạnh đó, một số vùng còn đề ra các hộ ra đầu tư tùy tiện xây dựng nhà ở kiên cố, biến vùng chăn nuôi thành địa bàn giãn dân. Đặc biệt là chưa có sử dụng thống nhất hướng dẫn của các cơ quan chức năng về đất đai, nên đa phần các hộ chăn nuôi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Dẫn đến các hộ có điều kiện không yên tâm đầu tư mở rộng quy mô, hộ thiếu vốn không có cơ sở để thế chấp vay vốn ngân hàng.

1.2.1.2. Kinh nghiệm phát triển chăn nuôi gia súc tại xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Tùng là một trong những xã gặp nhiều khó khăn trong định hướng phát triển kinh tế của huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, song những năm gần đây xã Long Hẹ đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, trong xã đã xuất hiện nhiều mô hình chăn nuôi cho thu nhập cao, đời sống của người dân từng bước được cải thiện. Có được kết quả này nhờ sự vào cuộc quyết liệt của các cấp chính quyền vận động người dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế cây trồng, vật nuôi theo hướng hàng hóa.

Long Hẹ là một xã vùng cao đặc biệt khó khăn nằm cách trung tâm huyện Thuận Châu 48 km. Xã có tổng diện tích đất tự nhiên gần 12.000 ha với 19 bản gồm 5 dân tộc anh em. Tuy có diện tích đất rộng, nhưng do địa hình chia cắt, núi đá chiếm 2/3 diện tích tự nhiên của toàn xã, thời tiết diễn biến phức tạp chia

thành 2 vùng rõ rệt đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của các giống cây trồng, vật nuôi. Mặt khác, với địa hình đồi núi quanh co, hệ thống giao thông chưa phát triển nên việc vận chuyển hàng nông sản đi tiêu thụ gặp nhiều khó khăn.

Diện tích đất nông nghiệp hạn chế nên người dân trong bản chủ yếu tập chung phát triển chăn nuôi. Cả bản có 74 hộ với 369 nhân khẩu, trung bình mỗi hộ nuôi từ 4-5 con trâu bò, hộ nuôi nhiều từ 10-15 con. Đặc biệt trong những năm gần đây phong trào nuôi dê trong bản phát triển mạnh, nhiều hộ có đàn dê lên tới hàng trăm con. Nhờ mạnh dạn đầu tư phát triển chăn nuôi, đời sống của bà con trong bản những năm gần đây có nhiều khởi sắc, nhiều hộ đã vươn lên thoát khỏi đói nghèo.

Trước đây, nhiều hộ gia đình bản Nà Nôm chỉ nuôi từ 1 - 2 con trâu để làm sức kéo, nhưng mấy năm gần đây, nhận thấy việc nuôi trâu có hiệu quả kinh tế nên người dân đã mạnh dạn đầu tư vốn để phát triển đàn trâu. Nhờ có kinh nghiệm trong chăn nuôi cũng như tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chăm sóc đàn trâu, các hộ gia đình đã có thu nhập khá từ chăn nuôi. Hiện tại, đàn trâu bò của một số hộ gia đình có khoảng 20 con, trị giá vài trăm triệu đồng.

Xã Long Hẹ có nhiều lợi thế như bãi chăn thả rộng, thức ăn tự nhiên phong phú, đặc biệt là ý thức của người dân đã có những chuyển biến tích cực trong việc phát triển chăn nuôi, do vậy chính quyền Xã đã vận động nhân dân tập trung phát triển các mô hình chăn nuôi cho hiệu quả kinh tế cao. Nhiều hộ trước đây chỉ coi chăn nuôi là nghề phụ, lấy sức kéo thì nay đã chú tâm vào phát triển chăn nuôi quy mô lớn. Tính đến hết năm 2014, tổng đàn gia súc, gồm trâu, bò, lợn, ngựa, dê của xã có khoảng 6.500 con, tăng 2.000 con so với năm 2010.

Để đảm bảo nguồn thức ăn cho đàn gia súc, nhất là vào những ngày mùa đông giá rét, xã Long Hẹ đang tích cực vận động người dân chuyển đổi những diện tích đất trồng kém năng suất sang trồng cỏ voi, đồng thời chủ động tiêm phòng vắc xin để phòng chống dịch bệnh cho trâu, bò... Nhờ vậy, đàn gia súc khỏe mạnh, sinh sản nhanh, không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Ngoài

ra, xã đã tích cực phối hợp với Trung tâm Khuyến nông huyện mở các lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi, đặc biệt là làm tốt công tác tiêm phòng định kỳ để duy trì ổn định và bảo vệ đàn vật nuôi hiệu quả.

Nhờ tận dụng tốt những lợi thế địa hình và sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ, đời sống của người dân vùng cao Long Hẹ ngày càng khởi sắc, tỷ lệ hộ nghèo trong xã chỉ còn 25% giảm 10% so với năm 2010; trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 95%; người dân được tiếp cận với dịch vụ y tế hiện đại, số người dân tham gia khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế hàng năm đạt từ 80-90%...

Trong quá trình thực hiện chính sách ở xã Long Hẹ, bên cạnh những mặt đã đạt được thì xã gặp phải một số khó khăn nhất định như: phần lớn các hộ nông dân còn gặp khó khăn về vốn, cộng thêm vào đó là những rủi ro về dịch bệnh hay biến động tăng giá thức ăn,... Người chăn nuôi không những không có lãi mà còn lỗ. Ngoài ra, diện tích đất chăn nuôi yêu cầu phải rộng, trong khi đó nhiều hộ chỉ có 4-5 sào đất. Hiện nay, chất lượng con giống trong xã được đánh giá là rất kém nên nhiều hộ chăn nuôi phải đặt mua nguồn giống ở xa với chi phí vận chuyển tương đối cao. Thuốc thú y cũng chưa đảm bảo; chất lượng thức ăn cho chăn nuôi chưa đạt yêu cầu, công tác quản lý buôn bán. Hiện nay, phát triển chăn nuôi của xã vẫn còn bất cập, hạn chế cần sớm được khắc phục như: phát triển chăn nuôi vẫn còn bất cập, chưa có sự liên kết chặt chẽ, chưa hình thành liên vùng sản xuất hàng hóa tập trung,... Bên cạnh đó, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm sản xuất, quản lý, kể cả thông tin thị trường của hầu hết các chủ trang trại còn nhiều hạn chế. Sản phẩm chăn nuôi thường được tiêu thụ qua thương lái, nên thường bị ép giá,...

1.2.1.3. Kinh nghiệm phát triển chăn nuôi gia súc tại xã Phước Trung, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Xã Phước Trung (Bác Ái) là địa phương có lợi thế kinh tế phát triển chăn nuôi gia súc cung cấp con giống và sản phẩm thịt hàng hóa chất lượng cao. Cấp ủy xã vừa ban hành nghị quyết chuyên đề lãnh đạo phát triển chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã, giai đoạn 2018-2020. Chính quyền địa phương huy động các nguồn

lực xã hội hỗ trợ bà con nông dân phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng bền vững, nâng cao đời sống nông dân, tích cực góp phần xây dựng nông thôn mới.

Xã Phước Trung hiện có 607 hộ, với 2.641 người dân, đồng bào Raglai chiếm trên 95% dân số. Đời sống nông dân dựa vào nguồn thu nhập từ canh tác lúa, hoa màu tưới bổ sung từ hệ thống thủy lợi Phước Nhơn và Phước Trung kết hợp chăn nuôi gia súc. Nông dân địa phương chăn nuôi trên 5.497 con gia súc tập trung chủ yếu ở các thôn: Đồng Dày, Rã Giữa, Rã Trên. Trong đó, đàn trâu bò có 2.910 con; dê, cừu có 2.209 con; heo đen có 378 con. Ngoài ra, một số nông hộ ở các xã: Xuân Hải, Mỹ Sơn, Nhơn Sơn đến xây dựng chuồng trại chăn nuôi 6.137 con dê, cừu và 564 con bò, nâng tổng đàn gia súc trên địa bàn xã lên trên 12.200 con. Tuy chăn nuôi gia súc trong điều kiện khô hạn kéo dài nhưng nông dân vẫn duy trì tốt số lượng đàn. Các nông hộ đào ao, trồng cỏ, dự trữ rơm, thân cây bắp, cây đậu cung cấp thức ăn cho gia súc vượt qua những tháng khô hạn. Từ trung tuần tháng 5 đến nay, thời tiết thường xuyên có mưa, đồng cỏ tự nhiên lên xanh kết hợp nguồn lá rừng tươi tốt giúp đàn gia súc phục hồi thể trạng. Chăn nuôi gia súc gắn với thị trường tiêu thụ ổn định, bảo đảm thu nhập và nâng cao đời sống nông dân địa phương. Nhiều nông dân có thu nhập cao từ chăn nuôi gia súc có sừng ở xã Phước Trung.

Tuy nhiên tình trạng nắng nóng, khô hạn diễn ra khắc nghiệt, nên liên tục mấy tháng nay, khiến đàn cừu, dê, bò của các hộ nông dân tại xã Phước Trung, huyện Bác Ái bị chết chết khá nhiều. Cụ thể theo người chăn nuôi địa phương, số lượng gia súc chết ngày càng tăng, bình quân bị chết từ 15 – 50 con/hộ, thậm chí có những hộ chết cả 100 con, làm cho người chăn nuôi hết sức lo lắng. Cũng theo người chăn nuôi, nguyên nhân chết chủ yếu do dịch bệnh, thiếu thức ăn, thiếu nước uống dẫn đến suy kiệt chết.

1.2.2. Bài học kinh nghiệm trong phát triển chăn nuôi gia súc đối với xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm của các địa phương khác, những bài học được rút ra trong việc phát triển chăn nuôi gia súc quy mô hộ gia đình của xã Lăng Can như sau:

- Về công tác giống: Thực hiện tốt khâu chất lượng giống, lựa chọn nguồn giống phù hợp với điều kiện chăn nuôi của địa phương. Thực hiện tốt và đồng bộ sẽ góp phần nâng cao kết quả, hiệu quả và tính ổn định cho chăn nuôi.

- Về công tác chăm sóc: Chăm sóc vật nuôi tốt, ủ ấm chuồng trại vào mùa đông, thông gió thoáng mát vào mùa hè, cho ăn những thức ăn an toàn, hợp vệ sinh. Tận dụng các nguồn thức ăn sẵn có để giảm bớt về chi phí.

- Thị trường tiêu thụ: cần thống nhất, đồng bộ, có kế hoạch và thực hiện cũng như kiểm tra giám sát chặt chẽ các nội dung về chăn nuôi như đầu tư, sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ trong địa phương để đảm bảo cho phát triển sản xuất chăn nuôi được ổn định.

- Dịch chuyển chuồng trại ra khỏi khu dân cư: Xây dựng chuồng trại phát triển chăn nuôi ở những nơi xa trung tâm hoặc xa cơ sở chế biến, gắn liền với tổ chức thu mua, sơ chế. Phát triển nhiều hình thức tổ chức chăn nuôi gia súc, trong đó khuyến khích hình thức kinh tế trang trại gia đình nhằm đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Xử lý chất thải: Chăn nuôi kết hợp với bảo vệ môi trường, phát triển, chăn nuôi trong hệ thống nông nghiệp bền vững. Đây là vấn đề có tính lâu dài và ổn định.

- Kỹ thuật phòng và chữa bệnh: Cần tránh rét cho vật nuôi vào mùa đông, tăng cường thức ăn xanh như cỏ tươi, củ, quả và các loại vitamin,... Tăng cường thức ăn có nhiều tinh bột, đường trong khẩu phần. Đảm bảo cho gia súc ăn đủ thức ăn thô xanh và bổ sung thức ăn tinh. Vệ sinh chuồng trại cũng như dụng cụ chăn nuôi hàng ngày. Đảm bảo chuồng trại luôn sạch sẽ, không có thức ăn thừa, ôi thiu.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan về xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

2.1.1. Đặc điểm về tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lí:

Lăng Can nằm ở trung du miền núi phía Bắc là xã trung tâm của huyện Lâm Bình thuộc huyện vùng sâu, vùng xa của tỉnh, cách trung tâm thành phố Tuyên Quang 150km, xã Lăng Can được thành lập vào năm 2006 với diện tích là 72,93km².

- Phía Bắc tiếp giáp xã Phúc Yên, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Phía Đông tiếp giáp xã Khuôn Hà, xã Thượng Lâm huyện Lâm Bình và xã Năng Khả huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Phía Nam tiếp giáp xã Thổ Bình, Xã Bình An, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Phía Tây tiếp giáp xã Bình An, xã Xuân Lập huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

2.1.1.2. Địa hình:

Xã Lăng Can có địa hình đa dạng và phức tạp, độ dốc lớn, phần lớn có độ dốc trong khoảng 15 - 25 °C. Diện tích có độ dốc nhỏ ít và phân bố rải rác thành các dải nhỏ giữa các đồi, núi. Do địa hình phức tạp nên việc bố trí sản xuất của xã gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.

2.1.1.3. Khí hậu, thủy văn:

- Khí hậu:

Là một xã vùng trung du, trong năm khí hậu xã Lăng Can được chia làm bốn mùa rõ rệt với các đặc điểm như:

Nhiệt độ trung bình hàng năm là 23°C; tháng nóng nhất: 39°C; nhiệt độ trung bình nhỏ nhất 8-10°C.

Chế độ mưa: Tổng lượng mưa hàng năm khoảng 1.700mm lượng mưa lớn nhất tập trung vào tháng 6: 312mm; lượng mưa ít nhất vào tháng 2: 8mm; lượng mưa trung bình: 141,08 mm/tháng.

Độ ẩm trung bình năm là 82,25%, cao nhất là 90% vào tháng 5 và thấp nhất là 74% vào tháng 12.

Chế độ gió: Gió Đông Nam hoạt động mạnh từ tháng 5 đến tháng 10 mang ra nhiều lượng nước gây ra mưa, cũng là những tháng có độ ẩm cao, lượng mưa lớn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh trưởng phát triển của cây trồng. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, gió thường khô hanh làm hạn chế sinh trưởng của cây trồng, đồng thời sương muối và rét đậm kéo dài từ 21/12 đến 20/2 năm sau.

- Thủy văn:

Xã Lăng Can có nhiều con suối nhỏ với tốc độ dòng chảy lớn, nhiều thác ghềnh, đập, thường lũ trong mùa mưa,.. là nguồn cung cấp nước tưới tiêu cho các thôn. Với điều kiện độ dốc lớn nên việc sử dụng nguồn nước này gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, xã còn có nhiều khe suối chủ yếu chỉ có nước vào mùa mưa và có khả năng cung cấp nước tưới bổ sung cho sản xuất vụ hè thu. Do địa hình của xã phức tạp và lượng mưa phân bố không đều, đồng thời do tình trạng phá rừng là rẫy nên có hiện tượng lũ lụt vào mùa mưa và hạn hán vào mùa khô, ảnh hưởng không nhỏ đến sinh hoạt và sản xuất.

2.1.1.4. Tài nguyên đất đai:

Đất đai của Xã Lăng Can được thể hiện ở Bảng 2.1

Bảng 2.1. Tình hình đất đai xã Lăng Can năm 2019

Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	cc (%)
- Đất nông nghiệp	6.985,41	90,88
- Đất phi nông nghiệp	334,64	4,35
- Đất chưa sử dụng	366,7	4,77
Tổng DT	7.686,75	100

(Nguồn: UBND xã Lăng Can)

Từ bảng trên ta thấy, đất nông nghiệp chiếm diện tích lớn nhất là 6.985,41ha tương ứng 90,88%, thứ hai là đất chưa sử dụng chiếm 366,7ha diện tích tương ứng là 4,77%, đất phi nông nghiệp chiếm diện tích ít nhất là 334,64 ha tương ứng 4,35%.

Đất nông nghiệp chiếm diện tích lớn. Việc sản xuất nông nghiệp tại địa phương được tổ chức sản xuất với nhiều hình thức khác nhau như: hộ gia đình, hợp tác xã, trang trại, doanh nghiệp,... chuyển đổi đất nông nghiệp theo hướng sản xuất quy mô lớn sẽ thúc đẩy hình thức trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp phát triển. Tích tụ, tập trung ruộng đất là một trong những yếu tố tạo điều kiện hình thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở phát huy lợi thế về quy mô, do khắc phục tình trạng manh mún ruộng đất, mở rộng diện tích canh tác, tránh lãng phí đất, có khả năng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Qua đó, nâng cao năng suất, chất lượng, góp phần tạo việc làm cho người dân ở địa phương.

Bảng 2.2. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất xã Lăng Can năm 2017

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	131,509	87,32
1	Đất công cộng	39,011	
1.1	Đất công trình công cộng	8,482	
1.2	Đất cơ quan	9,695	
1.3	Đất thương mại	8,336	
1.2	Đất giáo dục	5,509	
1.3	Đất quốc phòng	6,989	
2	Đất ở	17,772	11,80
2.1	Đất ở dân cư tự điều chỉnh	13,919	
2.2	Đất ở cấm mới	3,853	
3	Đất cây xanh, mặt nước	25,452	16,90
4	Đất giao thông	35,067	23,28

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4.1	Bến xe, bãi đỗ xe	1,752	
4.2	Đường giao thông	33,315	
5	Đất dự trữ phát triển	14,207	9,43
B	Đất ngoài dân dụng	19,091	12,68
1	Đất lúa	8,050	5,35
2	Đất lâm nghiệp	2,053	1,66
3	Đất hạ tầng kỹ thuật, khác	8,538	5,67
C	Tổng diện tích quy hoạch	150,60	100

(Nguồn: Kết quả kiểm kê đất đai Xã Lăng Can – Lâm Bình)

Từ bảng 2.2. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất xã Lăng Can cho thấy tổng diện tích quy hoạch là 150,60ha. Trong đó, đất dân dụng chiếm diện tích lớn nhất là 131,509ha (chiếm 87,32%), thứ 2 là đất ngoài dân dụng 19,091ha (chiếm 12,68%) và chiếm diện tích ít nhất là đất dự trữ phát triển với diện tích là 14,207ha (chiếm 9,43%).

Diện tích đất dân dụng có nhiều loại nhóm đất chiếm diện tích khá lớn như đất công cộng 39,011ha, đất giao thông chiếm 35,067ha, đất cây xanh mặt nước chiếm 25,452ha.

2.1.2. Tình hình kinh tế xã hội.

- Dân số và lao động:

Tính đến ngày 30/10/2018 xã có 1.350 hộ với 5.990 nhân khẩu, trên 12 thôn bản; mật độ dân số đạt 80 người/km². Trong đó: Dân tộc Tày 1.068 hộ, 4.619 khẩu; Dân tộc Dao 262 hộ, 1.245 khẩu; Dân tộc Kinh 16 hộ, 72 khẩu, Dân tộc khác là 4 hộ, 54 khẩu. Dân số trong xã hoạt động chủ yếu là ngành nông nghiệp. Người lao động cần cù, chịu khó, có trách nhiệm cao trong công việc. Hiện trạng lao động của Xã Lăng Can được thể hiện ở bảng 2.3:

Bảng 2.3. Hiện trạng lao động Xã Lăng Can năm 2017

Chỉ tiêu	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Tổng dân số toàn xã	5.956	100
Trong đó:		
- Dân số trong độ tuổi lao động	3.366	56,50
- Dân số ngoài độ tuổi lao động	2.590	43,50
2. Tổng LĐ làm việc trong các ngành kinh tế	3.072	100
Trong đó:		
- LĐ nông nghiệp, thủy sản	2.155	70,2
- LĐ CN, TTCN	765	24,9
- LĐ dịch vụ, thương mại	152	4,9

Nguồn: UBND xã Lăng Can

Số dân trong độ tuổi lao động toàn xã là 3.366 người chiếm 56,51% cho thấy lực lượng dân số dồi dào.

Tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế là 3.072 người, trong đó:

Lao động Nông – Lâm nghiệp chiếm tới 70,1% điều này cho thấy sản xuất NN tại xã giữ vai trò quan trọng nên của địa phương. Lao động NN tại xã Lăng Can chiếm tỷ lệ cao, tuy nhiên số lao động được đào tạo nghề chiếm tỷ lệ chưa cao, chủ yếu sản xuất theo kinh nghiệm.

Lao động Công nghiệp – TTCN chiếm 24,9% tổng số lao động. Mặc dù được các cấp chính quyền quan tâm đẩy mạnh phát triển, tuy nhiên cho đến nay tỷ trọng ngành nghề này vẫn đạt ở mức khá khiêm tốn.

Lao động dịch vụ, thương mại chỉ có 152 người chiếm 4,9%. Đây là một tỷ lệ khá thấp, chứng tỏ hoạt động ở lĩnh vực này khá trì trệ và chưa có giải pháp để phát triển nhằm khai thác hết lợi thế của địa phương.

- Văn hóa thể thao và giáo dục:

+ Văn hóa, thể thao:

Năm 2017 xã đã đầu tư xây dựng mới văn hóa khang trang với 250 chỗ ngồi, có 03 phòng chức năng, diện tích quy hoạch 578 m². Bên cạnh đó 01 sân

thể thao trung tâm xã cũng được đầu tư xây dựng với diện tích 2.409 m². Đây chính là điều kiện tốt để nâng cao được đời sống văn hóa, tinh thần của người dân trong Xã.

Các cấp hội vận động cựu chiến binh gương mẫu xây dựng đời sống văn hóa mới, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao; Xây dựng các thiết chế văn hóa lành mạnh ở nông thôn.

+ Giáo dục: Trong những năm qua sự nghiệp giáo dục của Xã đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, tất cả các cấp học gồm mầm non; tiểu học; trung học đều đạt chỉ tiêu đặt. Cụ thể phổ cập giáo dục trung học ở cấp xã năm 2016 là: mầm non đạt 96%, tiểu học 98,2%, trung học 98%. Học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học bậc trung học (phổ thông, bổ túc, dạy nghề) là 85/86 học sinh đạt 98,8% (trong đó: Trung học phổ thông là: 80, dạy nghề: 05).

- Cơ sở hạ tầng:

Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất cơ bản đáp ứng được yêu cầu của người dân, cụ thể:

+ Về giao thông: Các tuyến đường trục thôn, liên thôn được cứng hóa đạt 94,0%; các tuyến đường ngõ, xóm được cứng hóa đạt 88,6%; đường trục chính nội đồng được cứng hóa đạt 77,4%.

+ Về công trình thủy lợi: xây dựng công trình đầu mối và kiên cố hóa kênh mương, số công trình kiên cố 27/27 công trình, số kênh mương được kiên cố đạt 90%, nước được tưới tiêu chủ động đạt 91,38%.

+ Đường điện: trên địa bàn xã Lăng Can được xây dựng 18 trạm biến áp, tổng công suất 2.925KVA, đường dây trung áp 24,825km, đường dây hạ áp 26,777km. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 98,6%.

+ Trường học, cơ sở vật chất nhà văn hóa, thương mại nông thôn: tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia là 100%, tỷ lệ thôn bản có nhà văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%, chợ trung tâm xã được

xây dựng năm 2009 có mặt bằng phù hợp với quy hoạch và hợp với quy mô hoạt động chợ.

- *Tình hình phát triển kinh tế của địa phương:*

Tình hình phát triển kinh tế cả địa phương được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.4. Tình hình phát triển kinh tế của xã Lăng Can

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh		Tốc độ phát triển BQ
	Giá trị	cc (%)	Giá trị	cc (%)	Giá trị	cc (%)	18/17	19/18	
NN, LN, TS	78,13	65,32	78,97	64,10	80,27	63,03	101,08	101,64	101,36
CN, TTCN	30,11	25,17	32,16	26,11	34,11	26,78	106,81	106,06	106,44
Dịch vụ	11,37	9,51	12,09	9,80	12,98	10,19	106,33	107,36	106,85
Tổng	119,61	100	123,22	100	127,36	100	104,74	105,02	104,88

Nguồn: UBND xã Lăng Can

Tình hình phát triển kinh tế của xã Lăng Can theo các ngành không đồng đều và có xu hướng tăng qua các năm. Trong đó, ngành NN, LN, TS chiếm giá trị lớn, tuy nhiên tỷ trọng ngành lại có xu hướng giảm, năm 2017: 78,13 triệu đồng (65,32%) đến năm 2018 tăng lên là 80,27 triệu đồng (63,03%); chiếm giá trị thứ 2 là ngành CN, TTCN năm 2017 là 30,11 triệu (25,17%) đồng đến năm 2019 là 34,11 triệu đồng (26,78%), chiếm giá trị thấp nhất là ngành dịch vụ năm 2017 là 11,37 triệu đồng (9,51%) đến năm 2019 là 12,98 triệu đồng (10,19%).

Tốc độ phát triển liên hoàn năm 2018/2017 tăng chậm hơn so với năm 2019/2018. Tốc độ phát triển bình quân của ngành dịch vụ lớn nhất là 106,85 triệu đồng, thứ 2 là ngành CN, TTCN 106,44 triệu đồng, ngành NN, LN, TS có tốc độ phát triển bình quân thấp nhất là 101,36 triệu đồng.

Tình hình kinh tế cả Lăng Can có xu hướng tăng qua các năm. Xã Lăng Can đã lãnh đạo, chỉ đạo, vận động, khuyến khích nhân dân đầu tư

phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, nhằm giải quyết việc làm, tăng nguồn thu nhập cho người dân địa phương. Trong đó, du lịch đang mở ra một hướng phát triển kinh tế mới cho người dân địa phương. Với lợi thế về cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, khí hậu trong lành, nhân dân các dân tộc trong xã còn giữ gìn được nét bản sắc văn hóa truyền thống nên nhiều gia đình đã đầu tư vào làm du lịch cộng đồng homestay. Ngoài ra còn một số đơn vị doanh nghiệp đang đầu tư vào phát triển du lịch tại địa phương. Từ việc phát triển du lịch đã tạo nên hiệu quả kép, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người dân tại địa phương.

2.1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Lăng Can.

- Thuận lợi:

Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành: Trong những năm vừa qua, đặc biệt trong năm 2018, cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội xã đã nhận thức sâu sắc và thực hiện quyết liệt để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện thực hiện phát triển kinh tế tại xã. Nhận thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã đã có sự thay đổi tích cực. Đảng bộ, chính quyền xã vững mạnh, đoàn kết đây là điều kiện quan trọng để triển khai thực hiện phát triển kinh tế tại xã có hiệu quả.

Nhân dân tại xã sinh sống tương đối tập trung, cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất cơ bản đáp ứng yêu cầu, điều kiện đất đai thuận lợi... đây là những điều kiện để phát triển kinh tế và tạo việc làm tại chỗ cho người lao động, nhất là phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập của nhân dân.

- Khó khăn:

Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, mức thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với tiêu chí. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông thôn chưa đồng bộ như: cơ sở vật chất trường lớp học còn thiếu, cơ sở vật chất văn hóa, công trình nước sạch chưa hoàn thiện. Phát triển sản xuất hàng hóa chưa tương xứng với tiềm năng.

Diện tích tự nhiên của xã chủ yếu là đồi núi (chiếm trên 80%); diện tích đất trồng lúa và đất trồng cây màu ít... do đó, việc lập và triển khai thực hiện các quy hoạch, đề án, dự án về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung nhằm nâng cao thu nhập của nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó do đội ngũ cán bộ, công chức Xã và Ban phát triển các thôn khi triển khai thực hiện đa số làm việc kiêm nhiệm, chưa có kinh nghiệm thực tiễn, vì vậy trong quá trình tổ chức triển khai còn nhiều lúng túng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu.

2.2.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu, khảo sát

Chọn điểm nghiên cứu: Hiện nay xã Lăng Can có 12 thôn bản. Trong đó có thôn Phai Tre A là thôn có điều kiện chăn nuôi khó khăn nhất, thôn Làng Chùa là thôn có điều kiện chăn nuôi thuận lợi nhất và thôn Nặm Chá có điều kiện chăn nuôi trung bình. Đề tài chọn 3 thôn bản để tiến hành điều tra các hộ gia đình trong chăn nuôi gia súc nghiên cứu, khảo sát.

Số lượng mẫu được chọn là 45 mẫu theo phương pháp chọn ngẫu nhiên và được phân bổ đều trên 3 thôn với số lượng cụ thể là: Thôn Phai Tre A 15 mẫu, thôn Làng Chùa 15 mẫu, thôn Nặm Chá 15 mẫu.

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

- Số liệu thứ cấp: Số liệu thứ cấp sử dụng trong phân tích được thu thập từ các tài liệu đã được công bố của cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan nghiên cứu; Các báo cáo và số liệu thống kê các năm 2017-2019 của xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Số liệu sơ cấp: Được thu thập thông qua điều tra, khảo sát thực tế tình hình chăn nuôi của các hộ nông dân trên địa bàn nghiên cứu thông qua bảng câu hỏi được thiết kế sẵn.

2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu sau khi thu thập sẽ được đưa vào phần mềm excel để xử lý và tổng hợp thành các bảng số liệu, đồ thị.

2.2.4. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp phân tích được sử dụng chủ yếu gồm:

- *Phương pháp thống kê mô tả*: Mô tả thực trạng công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn nghiên cứu trên cơ sở các số liệu đã được xử lý, phân tổ theo các chỉ tiêu khác nhau và được thể hiện bằng các bảng biểu, đồ thị, sơ đồ với các số tuyệt đối, số tương đối và số bình quân.
- *Phương pháp thống kê so sánh*: Phương pháp này được sử dụng để so sánh, đánh giá sự biến động, thay đổi của chỉ tiêu nghiên cứu qua các năm bằng cả số tuyệt đối và số tương đối.

2.2.5. Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí

Hạch toán doanh thu: Tập hợp, ghi chép các hoạt động bán sản phẩm và tính toán doanh thu cuối kỳ.

Hạch toán chi phí: Theo dõi, tập hợp và ghi chép đầy đủ những chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh bao gồm: Chi phí về lao động, chi phí vật tư đầu vào, các chi phí dịch vụ, khấu hao tài sản cố định và các chi phí khác.

Trên cơ sở số doanh thu và chi phí thực tế phát sinh sẽ tính được kết quả cuối cùng (Lỗ, lãi) của một chu kỳ kinh doanh.



Chương 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng phát triển chăn nuôi gia súc hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Những năm gần đây, nguồn sức kéo động vật dần được thay thế bằng máy móc, song chăn nuôi trâu bò lại không bị loại bỏ mà vẫn tiếp tục mở rộng để cung cấp thịt, sữa. Thực tế cho thấy, chăn nuôi một số động vật nhai lại khác như trâu, bò phát triển mạnh, do các vật nuôi này có khả năng tận dụng các phụ phẩm của nông nghiệp để cung cấp thực phẩm (thịt, sữa) cho con người.

Mặt khác, chăn nuôi gia súc nhai lại tận dụng tối đa các nguồn lợi tự nhiên (bãi chăn thả) và nguồn lợi con người ở vùng nông thôn, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, động vật nhai lại có khả năng thích ứng và chống chịu với điều kiện sống khó khăn như hạn hán, nắng nóng. Với những đặc tính sinh học trên, gia súc nhai lại được xác định là một trong những vật nuôi chính được định hướng ưu tiên phát triển được phê duyệt tại Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi đến 2020 và Quyết định số 984/QĐ-BNN-CN phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Mặc dù là lĩnh vực khá quan trọng của ngành chăn nuôi, tuy nhiên, chăn nuôi gia súc nhai lại ở nước ta vẫn còn nhiều khó khăn. Với chăn nuôi bò thịt, tại nhiều địa phương, do thực hiện chương trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, nên các bãi chăn thả tự nhiên dành cho bò càng ngày càng thu hẹp dần.

Trong khi đó do hạn chế về đất đai, sản lượng cỏ trồng chỉ mới đáp ứng được 10% nhu cầu thức ăn thô xanh của gia súc ăn cỏ. Mặt khác, do chuyển dịch cơ cấu ngành nghề trong nông nghiệp (nhiều người chuyển từ sản xuất chăn nuôi sang kinh doanh dịch vụ), đồng thời, do đặc điểm sinh trưởng chậm, vòng quay dài ảnh hưởng đến tốc độ phát triển đàn bò.

Bên cạnh đó, chăn nuôi gia súc ở nước ta về cơ bản là quy mô nhỏ, phân tán, thả rông nên kém bền vững. Trong khi đó chăn nuôi trang trại mặc dù đã hình thành, nhưng khó phát triển nhanh vì thiếu quỹ đất và giá thành sản phẩm

cao, khó cạnh tranh. Giá thành sản xuất thịt bò trong nước cao hơn so với thịt bò nhập khẩu từ nước ngoài.

Với chăn nuôi trâu, bò khối lượng trâu đã giảm nghiêm trọng, báo động trong công tác quản lý giống trâu. Khối lượng trung bình cơ thể trâu ở các tỉnh miền núi phía Bắc có xu hướng giảm do yếu tố dinh dưỡng và chất lượng giống ngày càng giảm. Thực tế chăn nuôi trâu thời gian qua cho thấy có hiện tượng chọn lọc ngược. Trâu khoẻ thường được chọn bán hoặc giết thịt, đồng thời, người nuôi trâu thích nuôi trâu cái, tỷ lệ giống trâu đực và trâu cái không tương xứng.

Mặt khác, chăn nuôi gia súc phổ biến là phân tán trong các nông hộ tại các vùng đồng bằng và chăn thả theo đàn tại các tỉnh miền núi, trung du; nguồn thức ăn dựa vào chăn thả tự nhiên là chính, kết hợp bổ sung thêm rơm, cỏ khô. Nhu cầu dinh dưỡng của không đảm bảo nên đã hạn chế khả năng sinh sản và năng suất thịt.

3.1.1. Thực trạng phát triển các hộ chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can

Trong thời gian qua xã Lăng Can đã tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, chăn nuôi quy mô hộ gia đình. Nhờ thực hiện tốt tổ chức công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ vốn và nguồn giống vật nuôi cho các hộ gia đình, từ đó đã giúp các hộ phát triển kinh tế tổng hợp cho thu nhập cao, ổn định, góp phần giảm nghèo ở địa phương, nhiều hộ gia đình vươn lên hộ khá, tiến tới làm giàu.

Để giúp người dân có điều kiện đầu tư sản xuất phát triển kinh tế, UBND xã đã chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ người dân phát triển sản xuất chăn nuôi trọng tâm là Nghị quyết 10 và Nghị quyết 12 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Phối hợp chặt chẽ với ngân hàng chính sách xã hội huyện hướng dẫn cho hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận với các nguồn vốn ưu đãi để vay vốn sản xuất, phát triển chăn nuôi. Được tiếp cận với nguồn vốn đã giúp các hộ gia đình có điều kiện để đầu tư vào sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, nâng cao thu nhập vươn lên thoát nghèo. Tình hình các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã được thể hiện qua bảng 3.1:

Bảng 3.1. Tình hình các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã Lăng Can (2017 – 2019)*Đơn vị tính: hộ*

Loại gia súc được chăn nuôi	2017		2018		2019		Bình quân
	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)	
1. Trâu	244	24,2	216	21,1	216	21,1	225
2. Bò	41	4,1	47	4,6	47	4,6	45
3. Lợn	722	71,7	762	74,3	762	74,3	748,7
Tổng	1.007	100	1.025	100	1.025	100	1.018,7

Nguồn: UBND xã Lăng Can

Từ bảng 3.1 cho thấy số lượng các hộ chăn nuôi qua các năm có biến động không nhiều. Tổng số hộ chăn nuôi còn ít so với số tổng số hộ trong Xã. Số hộ tham gia chăn nuôi đàn lợn nhiều nhất, thứ hai là các hộ chăn nuôi trâu và số hộ nuôi bò là ít nhất.

+ Số hộ tham gia chăn nuôi lợn có sự gia tăng. Năm 2017 là 722 hộ (chiếm 71,7%) đến năm 2018 và 2019 tăng lên là 762 hộ (chiếm 74,3%).

+ Số hộ chăn nuôi trâu số giảm nhẹ. Năm 2017 là 244 hộ (chiếm 24,2%) đến năm 2018, 2019 giảm xuống còn 216 hộ (chiếm 21,1%).

+ Số hộ chăn nuôi bò tăng nhẹ, cụ thể năm 2017 là 41 hộ (chiếm 4,1%) đến năm 2018 và 2019 tăng lên là 47 hộ (chiếm 4,6%).

Bình quân các hộ chăn nuôi năm 2017 – 2019: đàn lợn là 748,7 hộ, đàn trâu là 225 hộ và đàn bò là 45 hộ.

Số hộ tham gia chăn nuôi đặc biệt là chăn nuôi trâu, bò còn ít và không có sự gia tăng đáng kể qua các năm nên không tận dụng được nguồn thức ăn từ đồng cỏ tự nhiên và phụ phẩm của ngành trồng trọt.

3.1.2. Thực trạng phát triển số lượng, chủng loại gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Hiện nay tại xã Lăng Can các loại gia súc được các hộ chăn nuôi gồm 3 loại là trâu, bò và lợn. Tính đến năm 2019, tổng đàn gia súc của xã 3.873 con. Trong đó, đàn trâu, đàn bò chiếm 1.230 con, đàn lợn chiếm 2.643 con. Để đưa

ngành chăn nuôi phát triển thì địa phương đã tuyên truyền, hướng dẫn người dân chuyển từ tập quán chăn thả tự do theo chăn nuôi theo hướng gia trại, chủ động nguồn thức ăn (trồng cỏ), kiểm soát, phòng chống dịch bệnh, chú trọng cải tạo giống. Đồng thời hết sức coi trọng việc hình thành những vùng chuyên chăn nuôi dựa trên cơ sở tiềm năng.

Bảng 3.2. Số lượng đàn gia súc của xã Lăng Can

Đơn vị tính: con

Loài nuôi	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		So sánh		Bình quân
	SL	%	SL	%	SL	%	2018/2017	2019/2018	
1. Trâu	1.310	32,3	1.034	26,7	1.034	26,3	78,9	100	1.126
2. Bò	160	3,9	196	5,1	196	5,0	122,5	100	184
3. Lợn	2.586	63,8	2.643	68,2	2.697	68,7	102,2	102,0	2.642

Nguồn: UBND xã Lăng Can

Qua bảng 3.2. Số lượng đàn gia súc của xã Lăng Can gồm có 3 loài vật nuôi chính. Trong đó:

+ Đàn lợn: Được các hộ gia đình nuôi với số lượng nhiều nhất và có xu hướng tăng lên. Năm 2017 là 2.586 con (chiếm 63,8%) đến năm 2018 tăng lên là 2.643 con (chiếm 68,2%), năm 2019 tăng lên là 2.697 con (chiếm 68,7%).

+ Đàn trâu: Được các hộ gia đình nuôi đứng thứ 2 sau đàn lợn và có xu hướng giảm xuống, cụ thể năm 2017 là 1.310 con (chiếm 32,3%) đến năm 2019 là 1.034 con (chiếm 26,3%).

+ Đàn bò: Được các hộ nuôi ít nhất và có xu hướng tăng nhẹ, cụ thể năm 2017 là 160 con (chiếm 3,9%), đến năm 2019 là 196 con (chiếm 5,0%).

Bình quân mỗi năm đàn trâu là 1.126 con, đàn bò 184 con, đàn lợn là 2.462 con. Tổng bình quân đàn trâu, bò, lợn là 1.317,3.

Tốc độ phát triển liên hoàn năm 2018/2017 với năm 2019/2018 không đồng đều. Tốc độ phát triển liên hoàn đàn lợn cao nhất, sau đó đến đàn bò và thấp nhất là đàn trâu.

Năm 2018 và 2019 số lượng trâu, bò ở mức dừng lại và không có xu hướng tăng lên hay giảm xuống, lợn tăng nhẹ là do quá trình tổng hợp số lượng bên thú y Xã vào thời điểm cuối năm 2018 (30/10/2018) và đầu năm 2019 (28/03/2019) nên số lượng đàn gia súc không có sự chênh lệch nhiều.

3.1.3. Phương thức chăn nuôi

Qua tìm hiểu cho thấy trên địa bàn Xã tồn tại các phương thức chăn nuôi sau:

- *Đối với chăn nuôi, trâu bò:*

Phương thức chăn nuôi quảng canh: trâu, bò của các hộ gia đình chăn thả ở đồi hoặc các bãi cỏ, chúng tự kiếm và chọn lựa những thức ăn tự nhiên đa dạng. Việc quản lý đàn trâu, bò không được công tác giống không được tiến hành theo cá thể. Đôi khi bổ sung thêm ít sắn, khoai, cám ngô và cỏ tại chuồng. Người dân địa phương nuôi theo phương thức này thường có năng suất thấp nhưng yêu cầu vốn đầu tư về giống, thức ăn, chuồng trại thấp.

Phương thức chăn nuôi bán thâm canh: trâu, bò được nuôi theo kiểu chăn dắt hoặc cột buộc luân phiên ở khu vực quanh nhà, đồi gò, cánh đồng, hoặc hình thức nuôi nhốt kết hợp với chăn thả. Ngoài các loại cỏ lá tự nhiên mà trâu, bò tự kiếm được khi chăn thả, chúng còn được cung cấp một lượng thức ăn nhất định, kể cả thức ăn thô (cỏ thu cắt, phụ phẩm cây trồng) và thức ăn tinh (cám gạo, cám ngô trộn hỗn hợp,..).

Người dân địa phương chăn nuôi tận dụng các nguồn thức ăn tại chỗ, sẵn có. Phương thức chăn nuôi này phù hợp với chăn nuôi quy mô nhỏ, phù hợp với khả năng đầu tư và trình độ kỹ thuật của nông hộ nhỏ, cho phép sử dụng tốt hơn các giống địa phương có đặc điểm năng suất thấp nhưng lại thích nghi tốt với điều kiện sinh thái, có thể sử dụng tốt hơn các nguồn thức ăn có sẵn tại địa phương

- *Đối với chăn nuôi lợn:*

Phương thức chăn nuôi truyền thống: Là hình thức chăn nuôi có từ lâu đời và được lưu truyền cho đến ngày nay. Đặc điểm của hình thức chăn nuôi truyền

thống là chuồng trại đơn giản, vốn đầu tư ban đầu rất ít, nguồn thức ăn chủ yếu tận dụng nên thời gian nuôi kéo dài. Loại hình chăn nuôi này có xu hướng ngày càng giảm do hiệu quả kinh tế không cao, khó kiểm soát dịch bệnh và gây ô nhiễm môi trường.

Phương thức chăn nuôi bán công nghiệp: Là hình thức chăn nuôi kết hợp giữa kinh nghiệm chăn nuôi truyền thống với áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến. Sử dụng nguồn thức ăn có sẵn như: cám, gạo, khoai, sắn,... kết hợp với thức ăn đậm đặc pha trộn đảm bảo chế độ dinh dưỡng cho lợn. Giống lợn được sử dụng chủ yếu là lợn thịt hướng nạc, hình thức này được người dân áp dụng phổ biến.

3.1.4. Thực trạng nguồn giống

- Đối với giống trâu, bò:

Nguồn giống trâu, bò của địa phương chủ yếu là tự sản xuất. Trong quá trình chăn nuôi, các hộ tự lựa chọn ra những con có phẩm chất tốt để làm giống. Đàn trâu, bò nơi đây thích nghi lâu đời với khí hậu nhiệt đới, chịu được kham khổ khi thức ăn thiếu thốn và nuôi dưỡng kém, chống chịu bệnh tốt.

Trâu ở nơi đây thuộc về trâu đầm lầy, có sắc lông đen, có con lông trắng (trâu bạc). Trâu bạc là do bạch tạng, có sắc da hơi hồng. Nhược điểm của loại trâu này là sinh sản chậm, tỷ lệ đẻ của trâu chỉ khoảng 40%.

Bò vàng có sắc lông màu nâu – vàng, phía trong đùi và yếm có màu hơi vàng nhạt. Bò cái phía trước thấp, sau cao nhưng bò đực thì ngược lại. Bò vàng có nhược điểm là chậm thành thực, sinh sản muộn, bắt đầu phối giống lúc 15 – 18 tháng tuổi.

- Đối với giống lợn:

Giống là điều kiện cơ bản để đạt hiệu quả đầu tư chăn nuôi, là tiền đề để nâng cao năng suất. Việc chăn nuôi đạt được hiệu quả cao hay thấp phụ thuộc rất nhiều vào việc lựa chọn con giống trong chăn nuôi, mỗi loại con giống khác nhau có chu kỳ sinh trưởng, chế độ dinh dưỡng khác nhau, dẫn tới hiệu quả trong

chăn nuôi của người chăn nuôi cũng khác nhau, cung cấp giống đủ và đảm bảo chất lượng là điều kiện quan trọng quyết định sự phát triển của chăn nuôi.

Trong những năm qua, các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã Lăng Can có xu hướng ưa chuộng giống lợn có năng suất cao như các giống có tỷ lệ nạc cao, vì giống lợn này thời gian sinh trưởng ngắn (thời gian nuôi ngắn), có mức tăng trọng nhanh và tỷ lệ nạc ở lợn thịt chiếm tỷ lệ cao hơn giống lợn nội (lợn địa phương). Tình hình sử dụng nguồn giống vật nuôi qua điều tra tại địa phương như sau:

Bảng 3.3. Tình hình sử dụng nguồn giống (lợn) của các hộ qua điều tra

Nguồn giống	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
- Tự sản xuất	2	4,4
- Mua từ hộ khác trong xã	20	44,5
- Mua từ hộ khác ngoài xã	6	13,3
- Mua từ trại giống	17	37,8
Tổng	45	100

Nguồn: Kết quả điều tra 3/2020

Qua bảng trên cho thấy tình hình sử dụng nguồn giống (lợn) của các hộ điều tra không đồng đều, cụ thể: nguồn giống mua từ hộ khác trong xã chiếm số lượng cao nhất là 20 hộ chiếm 44,5%, thứ hai là mua từ trại giống 17 hộ chiếm 37,8%, thứ ba là nguồn giống mua từ hộ khác ngoài xã 6 hộ chiếm 13,3% và nguồn giống tự sản xuất chỉ có 2 hộ chiếm 4,4%.

Nguồn giống mua từ hộ khác trong Xã chiếm tỷ lệ cao nhất là do lấy nguồn giống trong Xã, đa phần người dân biết được tình trạng con giống và đi lại mua con giống thuận lợi.

Nguồn giống mua từ trại giống qua điều tra chiếm số lượng khá cao do nguồn giống có nhiều ưu điểm nổi trội như thời gian sinh trưởng ngắn, hiệu quả năng suất cao.

Nguồn giống mua từ hộ khác ngoài xã chiếm tỷ lệ khá ít do đa số người dân ở địa phương người dân thưa thớt, đường đi lại khá xa. Nguồn giống tự sản xuất qua điều tra chiếm tỷ lệ rất ít vì 1 phần nhỏ vật nuôi chỉ giao phối ở lợn.

3.1.5. Kỹ thuật chăn nuôi

- *Kỹ thuật chăn nuôi:*

Một trong các yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả chăn nuôi đó là việc ứng dụng các kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến. Đây là yếu tố tác động trực tiếp đến sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi.

Việc tham gia các lớp tập huấn về chăn nuôi, trong đó có tập huấn ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ từ khâu chọn giống, kỹ thuật chăm sóc, chế độ ăn uống,... Nhằm đạt năng suất cao là yếu tố quan trọng trong phát triển chăn nuôi. Việc ứng dụng đồng bộ, hiệu quả các yếu tố kỹ thuật này một cách tối ưu sẽ làm tăng năng suất, giảm giá và đem lại lợi nhuận cao hơn trong chăn nuôi.

Trình độ khoa học kỹ thuật của người chăn nuôi phụ thuộc chủ yếu vào kết quả hoạt động tập huấn khoa học kỹ thuật. Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã Lăng Can chỉ đạo phòng nông nghiệp tổ chức các đợt tập huấn kỹ thuật, kiến thức chăn nuôi cho cán bộ thú y, các thôn, bản, các hộ gia đình nhằm nâng cao nhận thức của người sản xuất từ khâu xây dựng chuồng trại, chăm sóc điều trị bệnh,... Tuy nhiên, số lượng còn hạn chế, hình thức tổ chức chủ yếu là mời cán bộ kỹ thuật hướng dẫn lý thuyết trên nhà văn hóa các thôn, bản hoặc hội trường UBND xã, thời gian thực hiện ít và số lần tham gia các mô hình chăn nuôi ít.

Để chăn nuôi quy mô hộ gia đình mang lại hiệu quả kinh tế cao, buộc người dân phải vững chắc các kiến thức, kỹ thuật chọn giống, kỹ thuật về chăm sóc và quản lý dịch bệnh. Ngoài những kinh nghiệm của bản thân, chủ các mô hình cần được tập huấn kỹ thuật, trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận tiến bộ khoa học,.. Nhằm phát huy yếu tố hiệu quả của chăn nuôi. Hiện nay, chăn nuôi ở các hộ gia đình tại xã Lăng Can đều là tự phát, các hộ gia đình chăn nuôi chủ yếu là theo kinh nghiệm của bản thân. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải có các lớp đào tạo

tập huấn khoa học, kỹ thuật cho người dân có đủ kiến thức trong việc phát triển chăn nuôi để hoàn thiện hơn và có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Qua tìm hiểu cho thấy, trung bình số lần tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi trong xã là 2 lần. Ngoài ra, số lần tập huấn cấp do cấp huyện, cấp tỉnh mở còn các lớp tập huấn là do các công ty cung cấp thức ăn, cung cấp con giống tổ chức nhằm cung cấp kiến thức, kỹ thuật trong chăn nuôi cho các hộ.

- Dịch vụ thú y:

Ủy ban nhân dân xã ban hành kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 20/03/2019 về kế hoạch tiêm phòng gia súc, vụ xuân hè 2019; Hội Ban chỉ đạo tiêm phòng Xã, giao trách nhiệm cho các thành viên Ban chỉ đạo xuống với thôn bản tổ chức họp toàn thể các hộ gia đình trong thôn để triển khai kế hoạch tiêm phòng, chỉ đạo mỗi thôn, bản làm từ 1-2 cái dóng để phục vụ cho việc tiêm phòng được thuận lợi.

Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Xã đã chỉ đạo trưởng thôn, thú y viên thôn tập trung tuyên truyền, vận động các hộ gia đình có gia súc thực hiện nghiêm công tác tiêm phòng vụ Xuân – Hè năm 2019, phấn đấu tiêm đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đối với đàn trâu, bò; yêu cầu các trưởng thôn cam kết với Ủy ban nhân dân Xã về số liệu đàn gia súc đã thực hiện tiêm phòng và chưa thực hiện tiêm phòng, thống kê toàn bộ số trâu, bò tại thời điểm tiêm đã bán ra khỏi địa phương hoặc bị ốm gây yếu không tiêm được.

Tình hình số lượng đàn gia súc được tiêm phòng thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.4. Số lượng đàn gia súc được tiêm phòng qua các năm

Loài nuôi	2017	2018	2019	Bình quân
1. Trâu	1.030	827	827	894
2. Bò	118	157	157	158
3. Lợn	2.098	1.585	1.673	1.785

Nguồn: UBND xã Lăng Can

Từ bảng 3.4 số lượng đàn gia súc được tiêm phòng qua các năm, ta thấy số lượng đàn gia súc được tiêm phòng so với tổng số đàn gia súc trong các năm tương đối cao.

+ Năm 2017: Tổng số lượng đàn trâu là 1.310 con và được tiêm phòng là 1.030 con; Tổng số lượng đàn bò là 160 con, được tiêm phòng là 118 con; Tổng số lượng đàn lợn là 2.586, được tiêm phòng là 2.098 con.

+ Năm 2018, 2019: Tổng số lượng đàn trâu là 1.034 con, được tiêm phòng là 872 con; Tổng số lượng đàn bò là 196 con, được tiêm phòng là 157 con; Tổng số lượng đàn lợn là 2.643 con, được tiêm phòng là 1.585 con. Năm 2019 tổng số đàn lợn là 2.697 con, được tiêm phòng là 1.673 con.

Bình quân năm đàn trâu là 890 con, đàn bò là 158 con, đàn lợn là 1.785con.

Đàn trâu, bò được tiêm phòng vẫn chưa đạt yêu cầu so với tổng đàn là do đa số các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ, số lượng ít, một số hộ chăn thả trên rừng nên các hộ ngại tìm trâu, bò trên rừng về, mặc dù đã được thú y viên vận động tới tận hộ gia đình, nhưng ý thức của các hộ dân chưa hiểu rõ về tầm quan trọng của công tác tiêm phòng.

Đàn lợn tiêm không đạt với tổng số lượng là do một số hộ gia đình ở tất cả các thôn bản, tại thời điểm tiêm phòng, một số con đã bán xuất đàn, một số con chuẩn bị xuất đàn nên hộ gia đình không tiêm sợ ảnh hưởng đến khi mổ, giết thịt, một số thì chữa đẻ, già yếu con đang bú sữa mẹ, không thực hiện tiêm được.

3.1.5. Tình hình tiêu thụ

Bất kỳ hoạt động sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ nào cũng chịu sự tác động mạnh mẽ của thị trường. Giá cả quyết định đến lợi nhuận của người chăn nuôi. Người chăn nuôi chấp nhận giá khi tham gia vào thị trường. Giá cả là thông tin giúp cho người chăn nuôi quyết định sản xuất. Việc tăng hay giảm đàn là do phản ứng của người chăn nuôi trước giá cả của thị trường thay đổi.

Khi giá cả đầu vào, đầu ra ở mức phù hợp thì người chăn nuôi có điều kiện tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh. Bên cạnh đó, giá cả ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người chăn nuôi hoạch toán sản xuất kinh doanh, trong trường hợp này người chăn nuôi thường có xu hướng mở rộng quy mô sản xuất, tăng mức đầu tư để thúc đẩy hoạt động chăn nuôi phát triển. Ngược lại, giá các yếu tố đầu vào quá cao, hay giá đầu ra quá

thấp và biến đổi khó lường thì người chăn nuôi bị thua lỗ và họ cũng không thể nào tính toán được hiệu quả sản xuất, nên thường là họ giảm quy mô chăn nuôi.

Bên cạnh yếu tố giá cả thì sự sẵn có của các yếu tố đầu vào, đa dạng thị trường đầu ra sẽ là điều kiện thuận lợi giúp người chăn nuôi chủ động và tiết giảm chi phí từ đó làm tăng hiệu quả kinh tế và ngược lại.

Qua điều tra cho thấy, các hộ chăn nuôi lợn và chăn nuôi trâu, bò thịt chủ yếu bán sản phẩm cho người thu gom với hình thức mua bán tự do (không có hợp đồng). Đây là phương thức tiêu thụ không bền vững.

Bảng 3.5. Tình hình tiêu thụ sản phẩm gia súc của các hộ

Đơn vị tính: phần trăm (%)

Loài nuôi	Tự giết mổ	Bán qua thương lái	Bán hợp đồng	Hình thức khác
1. Trâu	26,7	73,3	0	0
2. Bò	12,5	62,5	0	25
3. Lợn	5,1	76,2	12,9	5,1

Nguồn: Kết quả điều tra 3/2020

Từ bảng 3.5. Tình hình tiêu thụ gia súc của các hộ không giống nhau, các hộ chủ yếu là bán qua thương lái, cụ thể:

+ Đàn trâu: Bán qua thương lái chiếm tỷ lệ cao nhất là 73,3%, thứ hai là tự giết mổ chiếm 26,7%, bán hợp đồng và hình thức khác chiếm 0%.

+ Đàn bò: Bán qua thương lái là 62,5%, hình thức khác chiếm 25%, tự giết mổ chiếm 12,5% và bán hợp đồng chiếm 0%.

+ Đàn lợn: Bán qua thương lái 76,2%, chiếm tỷ lệ thứ hai là bán hợp đồng 12,9%, tự giết mổ và hình thức khác chỉ chiếm 5,1%.

Bảng 3.6. Quyết định giá bán gia súc qua điều tra tại xã Lăng Can

Tiêu chí	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Theo thị trường	18	40
Nông hộ	2	4,4
Thương lái	25	55,6
Tổng	45	100

Nguồn: Kết quả khảo sát 03/2020

Từ kết quả khảo sát, quyết định giá bán gia súc thì thương lái chiếm cao nhất 25/45 hộ chiếm 55,6%, thứ hai là theo thị trường 18/45 hộ chiếm 40% và nông hộ chỉ có 2/45 hộ quyết định giá bán gia súc chiếm 4,4%.

3.1.6. Hiệu quả chăn nuôi

Tiến hành điều tra, phỏng vấn các hộ gia đình, tổng kết và tính toán số liệu thu được bằng phân tích thống về hiệu quả kinh tế của các hộ gia đình tại địa phương được tổng hợp ở bảng sau:

Bảng 3.7. Hiệu quả kinh tế từ chăn nuôi gia súc của các hộ gia đình tại xã Lăng Can

Diễn giải	ĐVT	Trâu	Bò	Lợn
1. Giá trị sản xuất (GO)	Tr.đ/hộ	44,06	33,83	14,98
2. Chi phí trung gian (IC)	Tr.đ/hộ	16,9	8,5	5,39
3. Giá trị gia tăng (VA)	Tr.đ/hộ	27,16	25,33	9,59
4. Khấu hao (A)	Tr.đ/hộ	1,5	1,4	1,7
5. Thu nhập hỗn hợp (MI)	Tr.đ/hộ	25,66	23,93	7,89
6. Lao động bình quân hộ	LĐ/hộ	1,4	1,3	1,5
7. Một số chỉ tiêu hiệu quả				
GO/IC	Lần	2,61	3,98	2,78
VA/IC	Lần	1,61	2,98	1,78
MI/IC	Lần	1,52	2,82	1,46
GO/LĐ	Lần	31,47	26,02	9,99
VA/LĐ	Lần	19,40	19,48	6,39
MI/LĐ	Lần	18,33	18,41	5,26

(Nguồn: kết quả điều tra 3/2020)

Qua bảng tổng hợp kết quả điều tra hiệu quả kinh tế từ chăn nuôi gia súc của các hộ gia đình thì xã Lăng Can, ta thấy:

Với mỗi loại vật nuôi khác nhau mang lại hiệu quả kinh tế khác nhau. Hiệu quả kinh tế của hộ không chỉ phụ thuộc vào phương thức chăn nuôi của hộ mà còn chịu ảnh hưởng bởi quy luật chăn nuôi.

Giá trị sản xuất GO đàn trâu cao nhất là 44,06tr.đ/hộ, giá trị gia tăng VA là 27,6tr.đ/ hộ, chi phí trung gia IC là 16,9tr.đ/hộ; Thứ 2 là đàn bò với giá trị sản xuất là 33,83tr.đ/hộ, giá trị gia tăng là 25,33tr.đ/hộ, chi phí trung gian là 8,5tr.đ/hộ; Thấp nhất là lợn với giá trị sản xuất là 14,98tr.đ/hộ, giá trị gia tăng là 9,59tr.đ/hộ, chi phí trung gian là 5,39tr.đ/hộ.

Mức thu nhập hỗn hợp trâu cao nhất là 25,66tr.đ/hộ (khấu hao A=1,5tr.đ/hộ); thứ 2 là bò 23,93tr.đ/hộ (khấu hao A=1,4tr.đ/hộ); thấp nhất là lợn 7,89tr.đ/hộ (mức khấu hao A=1,7tr.đ/hộ).

Để đạt được kết quả sản xuất người chăn nuôi còn phải bỏ ra lượng công lao động khá lớn. Lợn có mức lao động bình quân cao nhất là 1,5LĐ/hộ; đứng thứ 2 là trâu có mức lao động bình quân là 1,4LĐ/hộ; và mức lao động bình quân của bò thấp nhất là 1,3LĐ/hộ.

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi gia súc tại xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

(1) Điều kiện tự nhiên của địa phương:

Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến việc phát triển chăn nuôi gia súc. Với xã Lăng Can, điều kiện tự nhiên có những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chăn nuôi gia súc như sau

- Thuận lợi: Diện tích lớn, thuận lợi về điều kiện chăn thả tự nhiên, cây cỏ phát triển tốt cung cấp thức ăn tự nhiên và cả điều kiện tốt để trồng cỏ chăn nuôi gia súc.

- Khó khăn: Thời tiết khắc nghiệt. Đặc biệt về mùa đông do ảnh hưởng của các đợt không khí lạnh tăng cường rét đậm, rét hại kéo dài khiến nhiều gia súc bị chết rét. Vào mùa hè, thời tiết nắng nóng, độ ẩm không khí cao cộng với điều kiện vệ sinh môi trường chăn nuôi kém là điều kiện thuận lợi để các loại vi rút, vi khuẩn gây bệnh phát triển mạnh rất dễ có nguy cơ bùng phát thành dịch

lây lan ra diện rộng. Những bệnh lây qua đường hô hấp, đường tiêu hóa dễ bị lây lan nhanh. Đó là dịch bệnh tả lợn, tai xanh ở lợn, tụ huyết trùng,...

Với diện tích lớn thuận lợi về chăn nuôi gia súc thì địa phương cần mở rộng thêm chăn nuôi để nâng cao hiệu quả kinh tế. Tích cực áp dụng các biện pháp để phòng chống rét cho vật nuôi vào mùa đông, vệ sinh sạch sẽ chuồng trại vào mùa hè cho vật nuôi.

(2) Thức ăn trong chăn nuôi:

Xã Lăng Can là xã miền núi nên có nhiều vùng đất canh tác, diện tích đất rừng rộng vì vậy thích hợp trồng các loại cây phục vụ cho chăn nuôi như: cây cỏ voi, cây ngô. Bên cạnh đó thức ăn tự nhiên bao gồm các loài cỏ thân hòa thảo, thân bò, tầm thấp, cây bụi,... cỏ mọc tự nhiên trên các trảng cỏ phân bố rộng rãi ở đồng ruộng, dọc bờ kênh mương, ven đê, ven các con sông, đường đi trong các ruộng hoa màu,... Đây là nguồn thức ăn sẵn có nhưng hình thức chăn thả quảng canh sử dụng cỏ tự nhiên ở nhiều địa phương cũng gặp không ít khó khăn. Lượng dự trữ chất hữu cơ trong đất thấp, các trảng cỏ lại phát triển trên các địa hình có độ dốc khác nhau lại bị rửa trôi nên năng suất cỏ tự nhiên thấp. Vì phần lớn đất làm bãi chăn thả là vùng đồi trọc, dốc, đất xấu, lại bị chăn thả quá mức. Mặt khác, khí hậu của vùng đều có những tháng khô hanh hoặc lạnh và do ảnh hưởng của sương muối, nên trong thời gian này thường thiếu thức ăn xanh cho vật nuôi. Trảng cỏ tự nhiên vùng núi chưa được tận dụng hết vì liên quan đến độ dốc, nguồn nước cho gia súc, mật độ dân cư thưa thớt.

(3) Chất lượng con giống:

Giống là điều kiện kiên quyết hiện nay và là nền tảng cho sự phát triển chăn nuôi. Qua khảo sát cho thấy có trên 95% ý kiến đều cho là các con giống gia súc trên địa bàn xã luôn đảm bảo chất lượng và sạch bệnh, nguồn cung ứng con giống dồi dào, đủ cung ứng tại địa phương. Các hộ chăn nuôi sử dụng giống địa phương thường là chăn nuôi nhỏ lẻ, chăn nuôi gia đình với mục đích tận dụng sản phẩm nông nghiệp nên hiệu quả sẽ không cao bằng các giống lai, mua từ các trang trại giống.

(4) Vốn đầu tư:

Tính đến ngày 30/10/2018 xã có 1.350 hộ với 5.990 nhân khẩu, nhưng chỉ có 1.025 hộ chăn nuôi gia súc. Cho thấy phát triển chăn nuôi tại Xã còn nhỏ lẻ. Người dân xã Lăng Can chăn nuôi gia súc chủ yếu là những hộ gia đình có mức vốn đầu tư do gia đình dành dụm được. Nhiều người dân ở đây cũng muốn mở rộng chuồng trại chăn nuôi, tăng số lượng gia súc chăn nuôi nhưng do điều kiện về vốn còn khó khăn nên chưa thể đáp ứng được mong muốn của gia đình mình. Tại xã Lăng Can các chính sách hỗ trợ về vốn cho người dân chưa đáp ứng đủ cho nhân dân trong xã.

(5) Thị trường tiêu thụ sản phẩm thịt gia súc:

Thị trường tiêu thụ chủ yếu là phạm vi trong Xã, quy mô giao dịch còn nhỏ lẻ. Phần lớn các sản phẩm được tiêu thụ qua thương lái và giá bán thường thấp hơn đáng kể so với những nơi khác, gây thiệt hại đáng kể cho người chăn nuôi. Vì vậy, giá cả sản phẩm chăn nuôi có ý nghĩa rất lớn đến việc duy trì sản xuất và hiệu quả kinh tế của ngành chăn nuôi.

(6) Lao động:

Nguồn lao động của các hộ chủ yếu là sức lao động của các thành viên trong gia đình, không có nhân công thuê ngoài. Người dân trong xã có kinh nghiệm chăn nuôi nhỏ lẻ, tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi. Chăn nuôi hộ gia đình tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương, đóng góp lớn lao vào công cuộc xóa đói giảm nghèo.

Người dân luôn coi trọng kiến thức và kinh nghiệm là một yếu tố không thể thiếu để đạt được hiệu quả cao trong sản xuất. Những người nuôi không có kiến thức, kinh nghiệm thì hoạt động chăn nuôi thường không đúng quy trình kỹ thuật dẫn đến vật nuôi có khả năng sinh trưởng thấp, lãng phí hoặc hao hụt cao do dịch bệnh. Bên cạnh đó, nếu người chăn nuôi không nắm bắt được diễn biến của thị trường và không có thời điểm nuôi, thời gian nuôi hợp lý dẫn đến kết quả là họ thu hoạch sản phẩm chăn nuôi của mình không đúng thời điểm, bán với giá thấp, khó khăn từ đó làm giảm lợi nhuận, giảm hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

Ngược lại, đối với những người có kiến thức, kinh nghiệm và thường xuyên tham khảo học hỏi những tiến bộ khoa học kỹ thuật chăn nuôi thì thường có các giải pháp phù hợp để nâng cao năng suất, nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí, giảm tỷ lệ hao hụt và họ thu hoạch sản phẩm của mình đúng thời điểm, bán với giá cao nên kết quả hiệu quả kinh tế là cao hơn.

(7) Kỹ thuật chăn nuôi:

Chăn nuôi trâu, bò chủ yếu là chăn thả tự do ở đồi, bãi cỏ hoang. Chăn nuôi lợn theo kiểu nuôi nhốt, ngày cho ăn 3 lần sáng – trưa – chiều tối, Chuồng trại vật nuôi được vệ sinh hàng ngày. Lợn được tiêm vắc – xin theo kỳ. Nguồn thức ăn cho lợn chủ yếu là cám gạo, ngô, bã rượu và rau xanh quanh vườn.

Chăn nuôi chủ yếu là do tự phát, các kiến thức trong chăn nuôi là do tích lũy từ các hoạt động chăn nuôi. Các lớp tập huấn kỹ thuật cho người dân còn ít, chưa đủ để cung cấp những thông tin cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người dân.

Trong chăn nuôi người dân cũng gặp không ít khó khăn do vật nuôi luôn bị dịch bệnh, mà người dân lại chưa biết cách phòng chống, phòng ngừa dịch bệnh.

(8) Tập quán, thói quen chăn nuôi của các gia đình ở địa phương:

Đa số người dân ở địa phương chủ yếu là thuần nông, có phong tục, tập quán chăn thả gia súc từ lâu đời, có nhiều kinh nghiệm trong phát triển chăn nuôi gia súc. Tuy nhiên do tập tục thả rông gia súc đã có từ lâu đời trong cộng đồng dân cư tại các thôn, bản vùng cao nên việc triển khai thực hiện phong trào vệ sinh môi trường nông thôn và chống thả rông gia súc trên địa bàn xã vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi sự chung tay, vào cuộc tích cực hơn nữa của các cấp, ngành và chính quyền các địa phương, để công tác này đạt thêm nhiều kết quả tích cực, góp phần phục vụ cho việc phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

3.3. Những thuận lợi, khó khăn trong phát triển chăn nuôi gia súc hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can.

3.3.1. Những thuận lợi trong phát triển chăn nuôi gia súc hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can.

Lăng Can là một xã tuy những năm gần đây đã có nhiều biến chuyển về kinh tế nhưng tập quán chăn nuôi căn bản đã cải tiến, các hộ chủ yếu vẫn tận dụng các sản phẩm dư thừa của bữa ăn gia đình các chế phẩm như: bã rượu, bã đậu, rom,... được đưa vào làm thức ăn cho chăn nuôi.

Có vị trí địa lý tiếp giáp với các xã trong huyện cũng như ngoài huyện thuận lợi để giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội.

Có khí hậu và thời tiết thích hợp cho phát triển chăn nuôi gia súc.

Có nguồn lao động dồi dào, người dân nơi đây cần cù, chịu khó, ham học hỏi, giá nhân công rẻ và lực lượng lao động trẻ khỏe. Các dân tộc trong xã có truyền thống đoàn kết, cần cù và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực và ngành nghề đa dạng, phong phú.

Có kinh nghiệm chăn nuôi nhỏ lẻ, người dân địa phương đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi.

Cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, hệ thống điện tương đối đảm bảo, đường giao thông đi lại giữa các xã lân cận thuận lợi dễ dàng. 100% các hộ trong xã đều được sử dụng điện.

- *Những điểm mạnh trong chăn nuôi gia súc hộ gia đình trong xã:*

Lợi thế lớn nhất của chăn nuôi hộ gia đình là sự kết hợp với trồng trọt. Đa số các hộ đều tự trồng rau lang, cỏ voi, cám gạo để phục vụ cho chăn nuôi, tận dụng tốt nguồn thức ăn có sẵn tại địa phương.

Chăn nuôi quy mô hộ gia đình vốn đầu tư ít và là ngành sản xuất đa dạng có thể hạn chế tối đa sự rủi ro.

Chăn nuôi hộ gia đình tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương, đóng góp lớn lao vào công cuộc xóa đói giảm nghèo.

Chăn nuôi hộ gia đình do tính chất kết hợp của nó đã góp phần quan trọng trong gìn giữ tính đa dạng sinh học.

3.3.2. Những khó khăn trong phát triển chăn nuôi gia súc hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can.

- Xã Lăng Can có địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi đá cao, bị chia cắt mạnh giữa các tiểu vùng tạo ra sự khác biệt khá rõ nét về đặc điểm khí hậu, thời tiết, nguồn nước, đất đai của xã có độ dốc lớn, dễ bị xói mòn nguy cơ thoái hóa cao gây nhiều khó khăn cho sản xuất chăn nuôi gia súc.

- Trình độ dân trí không đồng đều. Một bộ phận người lao động trong địa phương còn duy trì tập quán chăn nuôi lạc hậu, thả giông gia súc, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ còn hạn chế.

- Số lao động chưa qua đào tạo trong xã chiếm khá cao trong tổng số người trong độ tuổi. Người dân trong xã đa số là lực lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, có số ít lao động làm việc trong các lĩnh vực khác.

- Vào mùa mưa, mưa lớn thường gây lũ lụt, lũ quét, dễ gây rửa trôi, xói mòn, ảnh hưởng đến cây trồng như lúa, ngô, khoai, sắn,... Làm thiệt hại nặng nề về kinh tế, đặc biệt là gia súc, vật nuôi của các hộ chăn nuôi trong xã.

- Chăn nuôi trong xã phân tán, nhỏ lẻ. Khối lượng sản phẩm không lớn nên khó tiếp cận với thị trường.

- Dịch bệnh thường xuyên xảy ra đối với vật nuôi như bệnh lở mồm long móng, bệnh tụ huyết trùng. Một bộ phận người dân vứt xác vật nuôi chết ra các con suối gây ô nhiễm môi trường và dịch bệnh dễ lây lan.

3.4. Một số giải pháp phát triển chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Từ thực và các yếu tố ảnh hưởng đến chăn nuôi gia súc hộ gia đình trên địa bàn xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang đã được phân tích ở trên với nhiều yếu tố, kết hợp với phỏng vấn người dân địa phương, đề tài đề xuất một số giải pháp như sau:

- Giải pháp phát triển số hộ
- Giải pháp về phương thức chăn nuôi

- Giải pháp về con giống
- Giải pháp về kỹ thuật, phòng chống bệnh dịch
- Giải pháp về thị trường
- Giải pháp về vốn

3.4.1. Giải pháp phát triển số hộ

Phát triển chăn nuôi gia súc trên địa bàn xã còn nhỏ lẻ, số hộ chăn nuôi gia súc còn ít so với tổng số hộ trong Xã. Để tăng số lượng hộ tham gia phát triển chăn nuôi gia súc tại địa phương thì cần chú trọng vấn đề về giống và tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân các bộ có chất lượng tốt, tận dụng đất đai trồng thêm cỏ cung cấp thức ăn cho vật nuôi. Hỗ trợ vốn cho người chăn nuôi đầu tư chuồng trại, mở rộng quy mô sản xuất, hỗ trợ tiêm phòng để kiểm soát dịch bệnh, hỗ trợ cải tạo, nâng cao tầm vóc đàn trâu, bò tại các hộ chăn nuôi thông qua công tác phối tinh nhân tạo,... Đồng thời, chủ động thu hút doanh nghiệp thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm, nhằm tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định và hướng dẫn tới việc phát triển chăn nuôi nông hộ một cách chuyên nghiệp, bền vững.

3.4.2. Giải pháp về phương thức chăn nuôi

Tại xã chủ yếu là chăn nuôi nhỏ lẻ đối với 3 loại gia súc trâu, bò và lợn. phương thức chăn nuôi tại đây không theo quy trình kỹ thuật, chủ yếu là chăn thả, nguồn thức ăn không phong phú, thiếu dinh dưỡng. Vì vậy, việc kiểm soát, quản lý chặt chẽ hình thức chăn nuôi này ở địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Nhất là về dịch bệnh và năng suất vật nuôi. Do vậy, địa phương cần chăn nuôi theo hướng tập trung, địa phương nên khuyến khích các hộ gia đình đầu tư phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, có sử dụng công nghệ, kỹ thuật cao. Chăn nuôi theo phương thức này sẽ có thị trường tiêu thụ ổn định và mang lại hiệu quả cao.

3.4.3. Giải pháp về con giống cho người dân

Từ phân tích thực trạng trên cho thấy hiện nay xã Lăng Can thị trường cung cấp giống có nhiều nguồn khác nhau để người dân lựa chọn nhưng nguồn giống vật nuôi ở đây cơ bản không đạt yêu cầu.

Việc chọn con giống mua ở đâu trong xã không khó nhưng việc chọn con giống như thế nào để cải thiện về năng suất và chất lượng sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng theo từng giai đoạn là khó khăn. Bởi hiện nay xã Lăng Can chưa có trại giống vật nuôi nên khả năng tiếp cận, đối chiếu các loại giống của các hộ là khó khăn. Một vấn đề nữa là chất lượng tinh giống hiện nay chưa được kiểm soát, trâu bò tự giao phối cận huyết, một số cơ sở chăn nuôi lợn đực giống tại địa phương trực tiếp lấy tinh lợn và đi phối giống cho các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trên địa bàn xã. Do đó, để giải quyết bài toán con giống cần thực hiện biện pháp:

Thành lập trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ về vốn phù hợp với điều kiện chăn nuôi trên địa bàn xã và kiểm tra, thử nghiệm các giống mới, các giống lai phù hợp để cải tiến nguồn gen, thành lập các trung tâm thụ tinh nhân tạo trên địa bàn xã với đầy đủ trang thiết bị và cán bộ được đào tạo.

Chỉ sử dụng những giống đã qua thử nghiệm phù hợp với địa phương. Bên cạnh đó, phải tìm và lai tạo ra các giống mới có năng suất cao phù hợp với điều kiện địa phương để có thể đáp ứng nhu cầu sản xuất của người dân.

Mặc dù, người dân có kinh nghiệm trong chăn nuôi, nhưng lại thiếu kiến thức về kỹ thuật chọn giống. Khi chăn nuôi người dân không có tiêu chí, kỹ thuật về chọn con giống, cũng chỉ biết là có giống đẻ mà nuôi. Nhưng người dân lại không biết giống có vai trò quyết định về năng suất của vật nuôi.

Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải có các chính sách hỗ trợ người chăn nuôi về vốn đầu tư cho sản xuất chăn nuôi và mở lớp tập huấn về kỹ thuật chọn giống trong chăn nuôi.

3.4.4. Giải pháp về kỹ thuật, phòng chống bệnh dịch, thú y

Trong thời gian qua, hoạt động chăn nuôi quy mô hộ gia đình tại xã Lăng Can khá phát triển. Các hình thức chăn nuôi hình thành chủ yếu là do tự phát, các kiến thức trong chăn nuôi là do tích lũy từ các hoạt động chăn nuôi. Các lớp tập huấn kỹ thuật cho người dân còn ít, chưa đủ để cung cấp những thông tin cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người dân. Vì vậy, cần thường xuyên mở các lớp tập huấn, phát tờ rơi, thông tin truyền thanh,... Để giới thiệu các máy móc, thiết bị hiện đại đến người dân. Đồng thời tổ chức các hoạt động trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, góp phần phát triển chăn nuôi.

Trong chăn nuôi người dân cũng gặp không ít khó khăn do vật nuôi luôn bị dịch bệnh, mà người dân lại chưa biết cách phòng chống, phòng ngừa dịch bệnh. Vậy nên cần phải mở lớp tập huấn cách phòng trừ dịch bệnh cho người dân cũng rất quan trọng.

Thú y là vấn đề cực kỳ quan trọng, nếu không có giải pháp tổng thể đồng bộ và đầy đủ về thú y, nó sẽ phủ định tất cả các kết quả về giống và sản xuất như chúng ta đã và đang chứng kiến trong thời gian qua. Vì vậy, với thực trạng chăn nuôi trên địa bàn xã đã phân tích và để phát triển kinh tế hộ gia đình thì các ngành chức năng và người chăn nuôi cần:

- Tổ chức đào tạo nghiệp vụ thú y cho các hộ chăn nuôi về công tác phòng trừ và có thể tự phát hiện, chữa trị các bệnh thường gặp ở vật nuôi.
- Tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi thực hiện quy trình tiêm phòng dịch bệnh theo quy định của ngành thú y, tiêm phòng các bệnh bắt buộc, không để dịch bệnh lây lan, nên làm chuồng nuôi kín và xây dựng chuồng trại đúng quy cách theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hạn chế mức độ lây lan dịch bệnh.

3.4.5. Giải pháp về thị trường

Các hộ gia đình và chính quyền địa phương cần thường xuyên cập nhật thị trường tiêu thụ trên báo, truyền hình,... Với Nhà nước cần tăng cường các hoạt động nghiên cứu, cung cấp thông tin về thị trường để có biện pháp, phương

hướng giải quyết kịp thời, hạn chế rủi ro cho người dân. củng cố và phát triển hệ thống tiêu thụ tại khu vực.

3.4.6. Giải pháp về nguồn vốn cho người dân

Hiện nay, với hoạt động chăn nuôi quy mô hộ gia đình cần lượng vốn đầu tư vào cũng khá lớn. Ngoài nguồn vốn trong gia đình thì các hộ còn phải huy động vốn qua các nguồn vay như: ngân hàng, các tổ chức xã hội địa phương (hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh,...), bạn bè. Trong đó, nguồn vốn vay chủ yếu là từ ngân hàng với lãi suất thấp, đặc biệt với các hộ gia đình thuộc nhóm ưu tiên như: hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách,... Tuy nhiên, lượng vốn ngân hàng cho vay còn hạn chế, thủ tục khó khăn, thời gian cho vay có hạn không thể quay vòng sản xuất. Vì vậy, các hộ gia đình đang chăn nuôi nguồn tăng số lượng đàn vật nuôi lên và những hộ gia đình đang mong muốn chăn nuôi lại không có vốn để chăn nuôi vào cho gia đình mình để tăng thu nhập.

Vì vậy, để giúp nhóm hộ này trong xã có khả năng tăng số lượng vật nuôi, cần phải có những chính sách phù hợp kéo dài thời gian vay vốn, lãi suất thấp giúp các hộ đảm bảo được cuộc sống, vươn lên làm giàu.

Chính quyền địa phương cần có các chính sách mở rộng, thu hút các chương trình dự án ưu đãi trong phát triển chăn nuôi đến với người dân. Bên cạnh đó, khuyến khích sự hình thành và phát triển các quỹ tín dụng trong nông nghiệp nông thôn để các hộ có thể hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển chăn nuôi.



KẾT LUẬN

Phát triển chăn nuôi gia súc có vai trò quan trọng không chỉ cho xã Lăng Can mà còn trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Bên cạnh những lý luận về vai trò, đặc biệt phát triển chăn nuôi, nghiêm cứu làm sáng tỏ những những vấn đề chủ yếu như khái niệm, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi gia súc.

Nhìn chung, tình hình chăn nuôi gia súc trong các hộ dân ở xã Lăng Can đã có sự phát triển. Chăn nuôi tạo công ăn, việc làm cho người lao động, mặt khác khai thác và sử dụng tài nguyên một cách hợp lý hơn, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội, tăng thu nhập, thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi của địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là: Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, trình độ về kỹ thuật chăn nuôi của người dân còn hạn chế, giá cả gia súc bấp bênh, thị trường mua bán chưa ổn định,... Nguyên nhân của tình trạng trên là do quy hoạch của địa phương chưa thực sự hoàn thiện, chính sách chưa đầy đủ và chưa đồng bộ, thị trường tiêu thụ không ổn định.

Khóa luận đã nêu rõ thực trạng phát triển chăn nuôi gia súc hộ gia đình tại xã Lăng Can cho thấy: hiệu quả kinh tế chăn nuôi gia súc vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng phát triển kinh tế tại địa phương, tình trạng này chủ yếu là do một số nguyên nhân sau: các hộ gia đình còn thiếu vốn, thiếu thông tin thị trường, thiếu kỹ thuật chăn nuôi, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm tự có để chăn nuôi, phát triển chủ yếu tự phát, chưa tận dụng hết nguồn lực vốn có vào sản xuất. Vì vậy, để phát huy được tiềm năng, nâng cao hiệu quả kinh tế trang trại chăn nuôi gia súc cần phải có những giải pháp hỗ trợ kịp thời nhằm khuyến khích, thu hút sự tham gia, liên kết cùng phát triển tại địa phương, tập trung giải quyết các vấn đề mấu chốt sau: nâng cao trình độ về kiến thức kỹ năng chăn nuôi cho người dân, giải quyết vốn, đầu vào và đầu ra trong sản xuất chăn nuôi tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông Nghiệp và PTNN (2005), “*Quyết định số 1039/Q-BNN-NN ngày 9/05/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt đề án đổi mới hệ thống chăn nuôi*”.
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT năm (2007), “*Cục chăn nuôi phát triển chăn nuôi đến năm 2020, Hà Nội*”.
3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2011), “*Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực Thú y*”.
4. Đỗ Kim Chung và cộng sự (2009), *Giáo trình “Nguyên Lý thống kê nông nghiệp”*.
5. Luật Chăn nuôi năm (2018), “*Khoản 1 Điều 2 Luật Chăn nuôi 2018*”.
6. Thủ tướng Chính Phủ (2016), “*Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng, vật nuôi*”.
7. Thủ tướng Chính Phủ (2017), “*Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để hỗ trợ sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh*”
8. UBND xã Lăng Can (2017), “*Biểu tổng hợp kết quả tiêm phòng gia súc năm 2017 xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang*”.
9. UBND xã Lăng Can (2018), “*Biểu tổng hợp kết quả tiêm phòng gia súc năm 2018 xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang*”.
10. UBND xã Lăng Can (2019), “*Biểu tổng hợp kết quả tiêm phòng gia súc năm 2019 xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang*”.
11. UBND xã Lăng Can 3 năm (2017, 2018, 2019), “*Báo cáo kết quả tiêm phòng gia súc vụ thu – đông xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang năm 2017, 2018, 2019*”.